**BÀI 1 – THƯƠNG NHỚ QUÊ HƯƠNG**

**Môn học**: Ngữ Văn/Lớp: 9

**Thời gian thực hiện**: 13 tiết

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài học này, HS có thể:

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

– Nhận biết và phân tích được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ.

– Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.

– Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

– Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống, cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại.

**1.2. Năng lực đặc thù**

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: Lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; nhận ra được ngữ cảnh giao tiếp, đặc điểm, thái độ của đối tượng giao tiếp.

– Năng lực sáng tạo: Có những lí giải mới mẻ về VB.

**2. Phẩm chất**

– Thể hiện tình yêu quê hương bằng những hành động thiết thực.

– Chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao.

**II. KIẾN THỨC**

– VB văn học; hình thức nghệ thuật của VB văn học.

– Kết cấu của bài thơ; ngôn ngữ thơ.

– Cách đọc bài thơ theo đặc điểm thể loại.

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

Tuỳ điều kiện, GV nên chuẩn bị một số phương tiện dạy học dưới đây:

– Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu ngữ liệu, tranh ảnh (nếu có).

– Giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

– Sơ đồ, biểu bảng.

– PHT, bảng kiểm kĩ năng đọc diễn cảm.

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu: *HS nghe bài thơ và đoán địa danh được nhắc đến trong bài thơ.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS chia sẻ cảm nghĩ

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một vài HS chia sẻ câu trả lời trước lớp, HS khác lắng nghe

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi những chia sẻ hay và thú vị của HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV tổng kết lại ý kiến và gợi dẫn vào chủ đề bài học

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung chủ đề Thương nhớ quê hươngvà liên hệ được với những suy nghĩ trải nghiệm của bản thân.

**b. Nội dung:** GV gợi dẫn HS thông qua các câu danh ngôn để đưa HS đến với chủ điểm bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** HS chia sẻ được suy nghĩ, trải nghiệm bản thân về việc học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc phần *Giới thiệu bài học* trong SGK (trang 10) và dẫn HS vào chủ điểm của bài học.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc phần giới thiệu bài học  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài HS chia sẻ, trả lời các câu hỏi gợi mở của GV trước lớp, yêu cầu HS cả lớp lắng nghe và nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, tuyên dương tinh thần tham gia thảo luận của cả lớp.  - GV chốt kiến thức về chủ đề bài học . Ghi lên bảng. | **I. Giới thiệu bài học.**  - Chủ đề 1: Tình yêu quê hương là tình cảm thiêng liêng, là sợi dây gắn kết con người với cội nguồn, tổ tiên, ông bà, cha mẹ, họ hàng, làng xóm,… càng trưởng thành ta càng thấu hiểu ý nghĩa của 2 tiếng “quê hương”, và nhận thức rõ trách nhiệm của bản thân đối với quê hương.  Bài học này sẽ giúp em cảm nhận được điều đó qua các bài thơ. |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS hiểu được khái niệm văn bản văn học, hình thức nghệ thuật của văn bản văn học, kết cấu của bài thơ, ngôn ngữ thơ.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến phần *Tri thức Ngữ Văn.*

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức chung về nội dung phần *Tri thức Ngữ Văn.*

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu khái niệm thơ sáu chữ, thơ bảy chữ, vần liền và vần cách**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi nhằm trả lời câu hỏi ngắn và câu điền khuyết:  **Câu 1:** Công trình nghệ thuật ngôn từ, kết quả hoạt động sáng tác của cá nhân hoặc tập thể nhà văn và là đơn vị độc lập của văn bản văn học được gọi là gì? **(Văn bản văn học)**  **Câu 2:** Văn bản văn học có thể tồn tại dưới dạng \_\_\_\_\_\_\_\_ hoặc dưới dạng \_\_\_\_\_\_\_ với quy mô có thể chỉ là \_\_\_\_\_\_ đến hàng vạn câu, hàng ngàn trang. **(truyền miệng – viết – một câu, vài dòng)**  **Câu 3:** Hình thức nghệ thuật của văn bản văn học là gì?  **Câu 4:** Kết cấu bài thơ là toàn bộ tổ chức chặt chẽ và sinh động các yếu tố về \_\_\_\_\_\_\_ và \_\_\_\_\_\_\_ bài thơ, tạo ra tính toàn vẹn và thể hiện một cách tốt nhất chủ đề, tư tưởng tác phẩm. **(nội dung – hình thức)**  **Câu 5:** Kết cấu bài thơ được thể hiện ở những phương diện tổ chức nào trong tác phẩm? **(sự lựa chọn thể thơ, sự sắp xếp các phần, các đoạn thơ theo một trình tự nhất định, sự triển khai mạch cảm xúc, sự phối hợp của vần, nhịp, hình ảnh thơ và các biện pháp tu từ)**  **Câu 6:** Ngôn ngữ thơ có những đặc điểm nào?  **(hàm súc, ngắn gọn, giàu hình ảnh, gợi nhiều hơn tả, giàu nhạc điệu, được tổ chức thành một cấu trúc đặc biệt: có vần, nhịp, thanh điệu, đối, …)**  **Câu 7:** Thế giới nội tâm của nhà thơ không chỉ được thể hiện bằng ý nghĩa của từ ngữ mà còn được thể hiện qua \_\_\_\_\_, \_\_\_\_\_ của từ ngữ, những yếu tố ấy góp phần làm tăng thêm hàm nghĩa cho bài thơ. **(âm thanh – nhịp điệu)**  Sau khi HS thực hiện 7 câu hỏi trên, các em sẽ hoàn thành sơ đồ tư duy Tri thức Ngữ Văn vào vở. Với những ô để dấu ba chấm, các em sẽ điền khái niệm/đặc điểm của tri thức đó, sơ đồ này sẽ giúp các em ghi nhớ được các yếu tố thuộc bình diện nội dung và hình thức cũng như mối quan hệ giữa nội dung và hình thức trong văn bản văn học.  Văn bản văn học  ………………………………………………  Hình thức nghệ thuật  ……………………………………………………  Nội dung  Bố cục  Kết cấu  ……………………  Biện pháp tu từ  Ngôn ngữ thơ  ………………………………………………  Ngắt nhịp  Đề tài  Nhân vật trữ tình/  Đối tượng trữ tình  Cảm hứng chủ đạo  Chủ đề, tư tưởng  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS ghi chép tóm lược nội dung ý chính về liên kết văn bản.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **II. Tri thức Ngữ văn**   * **1. Văn bản văn học** * - Là công trình nghệ thuật ngôn từ, kết quả hoạt động sáng tác của cá nhân hoặc tập thể nhà văn và là đơn vị độc lập cơ bản của văn học. * - Văn bản văn học có thể tồn tại dưới dạng truyền miệng hoặc dưới dạng viết (văn tự) với quy mô có thể chỉ là một câu, vài dòng (tự ngữ, ca dao, …) đến hàng vạn câu, hàng ngàn trang (sử thi, tiểu thuyết, …). * - Về cấu trúc, văn bản văn học là một hệ thống phức tạp gồm hàng loạt yếu tố thuộc các bình diện khác nhau của nội dung và hình thức. * **2. Hình thức nghệ thuật của văn bản văn học**   Hình thức nghệ thuật của văn bản văn học là cách tổ chức, kết nối mọi yếu tố (bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ, vần, nhịp, …) nhằm tạo nên tính chỉnh thể của tác phẩm.   * **3. Kết cấu của bài thơ**   - Là toàn bộ tổ chức chặt chẽ và sinh động các yếu tố về nội dung và hình thức của bài thơ, tạo ra tính toàn vẹn và thể hiện một cách tốt nhất chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.  - Kết cấu của bài thơ được biểu hiện ở mọi phương diện tổ chức của tác phẩm: sự lựa chọn thể thơ, sự sắp xếp các phần, các đoạn thơ theo một trình tự nhất định, sự triển khai mạch cảm xúc, sự phối hợp của vần, nhịp, hình ảnh thơ và các biện pháp tu từ,…  **4. Ngôn ngữ thơ**  - Ngôn ngữ thơ có đặc điểm hàm súc, ngắn gọn, giàu hình ảnh, gợi nhiều hơn tả, giàu nhạc điệu, được tổ chức thành một cấu trúc đặc biệt: có vần, nhịp, thanh điệu, đối,...  - Thế giới nội tâm của nhà thơ không chỉ được thể hiện bằng ý nghĩa của từ ngữ mà còn được thể hiện qua âm thanh, nhịp điệu của từ ngữ, những yếu tố ấy góp phần làm tăng thêm hàm nghĩa cho bài thơ. Những đặc điểm trên khiến cho bài thơ dễ dàng tác động trực tiếp đến cảm xúc của người đọc và khắc sâu trong tâm trí họ.  GV có thể trình bày bảng theo dạng sơ đồ sau để HS dễ nắm bắt, với những kiến thức mới nên ghi bằng phần màu.  Văn bản văn học  là công trình nghệ thuật ngôn từ, kết quả hoạt động sáng tác của cá nhân hoặc tập thể nhà văn và là đơn vị độc lập cơ bản của văn học  Hình thức nghệ thuật  Nội dung  Bố cục  Kết cấu  biểu hiện ở sự lựa chọn thể thơ; sự sắp xếp các phần, các đoạn; sự triển khai mạch cảm xúc; sự phối hợp của vần, nhịp, hình ảnh, bptt,...  Biện pháp tu từ  Ngôn ngữ thơ  có đặc điểm hàm súc, ngắn gọn, giàu hình ảnh, gợi nhiều hơn tả, giàu nhạc điệu.  Ngắt nhịp  Đề tài  Nhân vật trữ tình/  Đối tượng trữ tình  Cảm hứng chủ đạo  Chủ đề, tư tưởng |

**Hoạt động 3: đọc văn bản 1 *Quê hương (Tế Hanh)***

1. **Chuẩn bị đọc**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  HS trả lời câu hỏi *Chuẩn bị đọc* trong SGK.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I.Chuẩn bị đọc**  - Dựa trên câu trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài học. *Lưu ý*: đây là câu hỏi mở, HS có thể có những câu trả lời khác nhau, GV không nên đánh giá đúng/ sai. |

**II. Trài nghiệm cùng văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, nêu hiểu biết về tác giả, tác phẩm.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **II. Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. Tác giả:**  - Tế Hanh (1921-2009), tên khai sinh là Trần Tế Hanh  - Quê: ở một làng chài ven biển tỉnh Quảng Ngãi  - Thơ ông dễ đi vào lòng người nhờ cảm xúc chân thành mà tinh tế, thiết tha; lời thơ giản dị, giàu hình ảnh; giọng thơ nhẹ nhàng, sâu lắng  - Một số tập thơ tiêu biểu có sức sống vượt thời gian: *Hoa niên* (1944), *Gửi miền Bắc* (1958), *Tiếng sóng* (1960), *Hai nửa yêu thương* (1963),…  **2. Tác phẩm**  -Bài thơ sáng tác năm 1939 lúc Tế Hanh đang học tại Huế. |

**III.Suy ngẫm và phản hồi**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: *Tìm hiểu từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp***  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV chia lớp thành 3 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận và hoàn thành phiếu học tập:  (1)Đọc lại bài thơ và điền vào bảng sau (câu 1 trong SGK).   |  |  | | --- | --- | | **Từ ngữ thể hiện hình ảnh dân chài** | **Từ ngữ thể hiện hình ảnh làng chài** | | ............................................................  ............................................................ | ..........................................................  .......................................................... |   (2)Đọc 6 dòng thơ, tìm các biện pháp tu từ, xác định tác dụng của chúng(câu 2 trong SGK).   |  |  | | --- | --- | | **Biện pháp tu từ** | **Tác dụng** | | ......................................................  ...................................................... | ......................................................  ...................................................... |   (3) Đọc lại toàn bộ bài thơ, xác định cách gieo vần, ngắt nhịp và phân tích tác dụng của chúng (câu 3 trong SGK).  (4) Đọc lại toàn bộ bài thơ và điền thông tin vào bảng sau (câu 4 trong SGK):  **YẾU TỐ MIÊU TẢ VÀ BIỀU CẢM**   |  |  | | --- | --- | | **Yếu tố miêu tả** | **Yếu tố biểu cảm** | | Miêu tả dân chài:  ……………………………………  Miêu tả con thuyền và cảnh đánh bắt cá:  ……………………………………… | Thể hiện tình cảm của nhà thơ:  ……………………………………  ……………………………………  …………………………………… | | Tác dụng của việc kết hợp hai yếu tố: ……………………………………………………………………………….  ………………………………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………………………………. | |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập lên bảng.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng.  **Nhiệm vụ 2: *Tìm hiểu mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo***  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Nhóm 5 HS điền vào sơ đồ sau để xác định cảm xúc và cảm hứng chủ đạo của bài thơ (câu 5 trong SGK):  **Cảm xúc thể hiện trong các khổ 1, 2, 3:**  ................................................................................................  **Cảm xúc thể hiện trong khổ 4:**  ...............................................................................................  **Cảm hứng chủ đạo của bài thơ:**  ...............................  ...............................  ...............................  ...............................  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  Nhóm 5 HS thực hiện.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - Các nhóm trình bày sơ đồ, cả lớp thảo luận so sánh các sơ đồ.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 3: *Tìm hiểu kết cấu, chủ đề***  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Nhóm 4, 5 HS thực hiện các nhiệm vụ sau:  (1) Xem lại câu trả lời cho câu hỏi 5, xem lại mục *Kết cấu của bài thơ* trong SGK và điền vào sơ đồ sau (câu 6 trong SGK).  Cách triển khai mạch cảm xúc  ...............................  Kết cấu  ......................  ......................  ......................  ......................  Cách kết hợp giữa miêu tả và biểu cảm  ............................................................................................  Cách sắp xếp bố cục  ...............................  (2) Nêu chủ đề bài thơ và liệt kê một số căn cứ giúp em xác định chủ đề (câu 7 trong SGK).  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  Nhóm 5 HS thực hiện.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - Các nhóm trình bày sơ đồ, cả lớp thảo luận so sánh các sơ đồ.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 4:Khái quát đặc điểm thể loại và hướng dẫn đọc văn bản 2: *Bếp lửa***  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  (1) Tại lớp: Nhóm 2 HS: dựa vào tri thức nền, vẽ sơ đồ khái quát một số đặc điểm của thơ, từ đó, rút ra cách đọc thể loại thơ.  (2) Bài tập về nhà: HS đọc VB *Bếp lửa,* trả lời câu hỏi phần *Chuẩn bị đọc,* ở phần *Trải nghiệm cùng VB*, điền câu trả lời vào phiếu đọc sau:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Câu hỏi(1) | Kĩ năng đọc (2) | Trả lời của ***tôi*** (3) | Trao đổi của ***bạn*** (4) | | Câu 1 |  |  |  | | Câu 2 |  |  |  | | Câu 3 |  |  |  |   **PHIẾU ĐỌC**  Đọc VB *Bếp lửa*, trong quá trình đọc, chú ý đến các câu hỏi trong các khung và kí hiệu trên trang SGK, hoàn thành các cột 1, 2, 3 trong bảng sau: |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  (1) Các nhóm trình bày sơ đồ, sau đó, so sánh, nhận xét xem sơ đồ của nhóm nào đầy đủ, chính xác, trình bày khoa học, đẹp mắt.  (2) HS ghi chú kết quả đọc VB *Bếp lửa* vào phiếu đọc (thực hiện ở nhà và báo cáo vào tiết học sau).  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  Đại diện một số nhóm trình bày sơ đồ và cách đọc thể loại thơ, các nhóm khác góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Suy ngẫm và phản hồi**  ***3.1. Tìm hiểu từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, vần, nhịp***  **a.Từ ngữ, hình ảnh**  –Từ ngữ thể hiện hình ảnh dân chài: *phăng mái chèo*, *làn da ngăm rám nắng/ cả thân hình nồng thở vị xa xăm;*  – Từ ngữ thể hiện hình ảnh làng chài: cánh buồm: *giương to như mảnh hồn làng/ rướn thân trắng*; hình ảnh chiếc thuyền với những con cá: *thân bạc trắng*; hình ảnh con thuyền: *hăng như con tuấn mã*; hình ảnh dân làng: *tấp nập đón ghe về*.  **b. Biện pháp tu từ, vần, nhịp:**  - So sánh mới lạ, dùng cái cụ thể (*cánh buồm*) để chỉ cái trừu tượng (*mảnh hồn làng*). Tác dụng: làm cho hình ảnh cánh buồm quen thuộc trở nên thiêng liêng, thơ mộng, đồng thời gợi tả sự hiên ngang, mạnh mẽ của người dân miền biển, hoà mình vào thiên nhiên, đương đầu với thử thách.  - Nhân hoá: *Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm*/ *Nghe chất muối* *thấm dần trong thớ vỏ*. Tác dụng: gợi tả cảm giác yên bình, trầm tư sau những ngày sóng gió trên biển.  -Vần chân, liền (*giang/ làng, sông/ hồng, trắng/ nắng, xăm/ nằm*), vần cách đồng thời là vần thông (*vôi/ khơi*), cách ngắt nhịp 3/5 kết hợp với 3/2/3, 4/4 tạo nên nhịp điệu uyển chuyển cho bài thơ, góp phần thể hiện tình cảm quê hương trong sáng, tha thiết của nhà thơ.  **c.Tìm hiểu yếu tố miêu tả và biểu cảm**   |  |  | | --- | --- | | **Yếu tố miêu tả** | **Yếu tố biểu cảm** | | Miêu tả dân chài: *làn da ngăm rám nắng, phăng mái chèo mạnh mẽ, thân hình nồng thở vị xa xăm*  Miêu tả con thuyền và cảnh đánh bắt cá: *trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng, cánh buồm giương to, rướn thân trắng, tấp nập đón ghe về, màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi,...* | Thể hiện tình cảm của nhà thơ: *lòng tôi luôn tưởng nhớ, tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá* | | Tác dụng của việc kết hợp hai yếu tố: vừa gợi tả sống động bức tranh cuộc sống lao động đầy chất thơ của làng chài, vẻ đẹp khoẻ mạnh, cường tráng của người dân chài vừa thể hiện tình cảm thương nhớ quê hương. Tuy nhiên, yếu tố biểu cảm vẫn là chủ đạo vì toàn bộ hệ thống hình ảnh quê hương được hiện lên thông qua nỗi nhớ của một người con xa quê, vì thế, các hình ảnh miêu tả là phương tiện để thể hiện nỗi nhớ của nhân vật trữ tình. | |   **3.2. Tìm hiểu mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo**  **– Mạch cảm xúc :** Cảm xúc tự hào về quê hương được thể hiện gián tiếp qua những hình ảnh gợi tả sống động vẻ đẹp lao động của dân chài, cuộc sống làng chài (khổ 1, 2, 3), cảm xúc nhớ thương quê hương da diết từ màu sắc (*màu nước xanh, cá bạc, cánh buồm vôi*) đến mùi vị nồng mặn của biển cả (khổ 4).  **– Cảm hứng chủ đạo của bài thơ :** là cảm hứng ca ngợi cuộc sống lao động của người dân chài.  **3.3. Tìm hiểu kết cấu, chủ đề**  **a.Kết cấu**  Là sự tổ chức chặt chẽ, sinh động các yếu tố sau:  – Cách sắp xếp bố cục: bài thơ mở đầu với hai dòng thơ giới thiệu khái quát về nghề nghiệp của dân làng, vị trí của làng, sau đó tiếp nối với hình ảnh lao động của cuộc sống làng chài (khổ 2, khổ 3) và kết lại với nỗi nhớ làng chài, nỗi nhớ quê hương qua những hình ảnh đầy màu sắc.  – Cách triển khai mạch cảm xúc: tình yêu tha thiết với quê hương được thể hiện gián tiếp qua cách tả về làng, về người dân chài và cuộc sống của họ. Thể hiện trực tiếp tình yêu quê hương ở khổ cuối với những từ cảm thán, nỗi nhớ da diết qua những hình ảnh cụ thể đầy màu sắc, hương vị của cuộc sống lao động.  – Sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa miêu tả và biểu cảm.  **b.Chủ đề:**  Hình ảnh quê hương qua bức tranh sinh hoạt làng chài vùng biển trong nỗi nhớ của tác giả. Chủ đề này được thể hiện qua các hình thức nghệ thuật như giọng điệu trìu mến, thiết tha, bố cục bài thơ, mạch cảm xúc, các biện pháp nhân hoá, so sánh, nghệ thuật sáng tạo hình ảnh,…  **4. Khái quát đặc điểm thể loại và hướng dẫn đọc văn bản 2: *Bếp lửa*** |

**HOẠT ĐỘNG 5: ĐỌC VĂN BẢN 2: BẾP LỬA**

**I. CHUẨN BỊ ĐỌC**

1. **Mục tiêu:** Kích hoạt kiến thức nền về kỷ niệm đối với người thân của HS
2. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS
3. **Tổ chức thực hiện**

B1: Giao nhiệm vụ học tập

GV: Hãy chia sẻ một kỷ niệm với người thân của em? Khi nhắc tới người thân, em nhớ nhất điều gì/ thứ gì?

B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

Nhóm 2HS thực hiện nhiệm vụ: 2HS trao đổi với nhau câu trả lời.

B3: Báo cáo, thảo luận

1HS đại diện nhóm trả lời. Các nhóm khác cũng cử đại diện trả lời/ bổ sung ý.

B4: Kết luận, nhận định

GV: nhận xét, chốt ý và dẫn dắt vào bài mới.

Kỷ niệm với người thân yêu là một phần ký ức đẹp đẽ trong tâm trí mỗi người. Ký ức ấy sẽ đi cùng ta trong suốt chặng đường đời, trở thành nơi neo đậu bình yên của tâm hồn, là điểm tựa tinh thần mỗi khi ta chùn chân mỏi gối. Gắn với mỗi kỷ niệm có thể là một hình ảnh quen thuộc hoặc một kỷ vật quý báu. Với nhà thơ Bằng Việt, trong những năm tháng sống và học tập ở nước ngoài, chính hình ảnh người bà và bếp lửa ấm áp của bà đã tiếp thêm sức mạnh tinh thần cho ông cũng như trở thành sợi dây kết nối ông với quê hương.

**II: TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN**

1. **Hoạt động đọc văn bản**
   1. **Đọc**
2. **Mục tiêu**

* Đọc diễn cảm văn bản, sử dụng được kỹ thuật đọc suy luận, theo dõi khi trả lời các câu hỏi *Trải nghiệm cùng văn bản*.

1. **Sản phẩm:** PHT về kỹ năng đọc
2. **Tổ chức thực hiện**

B1: Giao nhiệm vụ học tập

Ở tiết học trước, GV yêu cầu HS đọc trước văn bản “Bếp lửa” và trả lời vào PHT sau:

**PHIẾU ĐỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Kỹ năng** | **Câu trả lời của tôi** | **Câu trả lời của bạn** |
| Câu 1 |  |  |  |
| Câu 2 |  |  |  |
| Câu 3 |  |  |  |

* 1HS đọc diễn cảm văn bản, 1HS đọc các câu hỏi *Trải nghiệm cùng văn bản*.
* HS xem lại phần trả lời của mình trong PHT, bổ sung, chỉnh sửa và hoàn thiện.
* 2HS trao đổi với nhau (nhóm đôi), ghi câu trả lời của bạn vào PHT của mình.

B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

2HS cùng hoàn thiện PHT.

B3: Báo cáo, thảo luận

1HS đại diện nhóm trả lời. GV mời 2 - 3 nhóm trả lời.

B4: Kết luận, nhận định

* GV nhận xét kỹ năng đọc diễn cảm và kỹ năng đọc hiểu văn bản.
* GV chia sẻ suy nghĩ của mình trong quá trình đọc văn bản và thực hiện các kỹ năng theo dõi, suy luận.
  1. **Tìm hiểu chú thích**

1. **Mục tiêu:** Hiểu nghĩa của các từ khó trong bài thơ

**b.Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**c.Tổ chức thực hiện**

B1: Giao nhiệm vụ học tập

* 1HS đứng lên lần lượt đọc các từ khó.
* Các HS khác nêu nghĩa từ.

B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

Nhóm 4HS thảo luận đưa ra cách giải nghĩa từ.

B3: Báo cáo, thảo luận

1HS đại diện nhóm trả lời, các nhóm khác nhận xét và bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định

GV hướng dẫn cách nêu nghĩa từ. Có 3 cách nêu nghĩa từ: nêu khái niệm, dùng từ đồng nghĩa, dùng từ trái nghĩa.

GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt ý.

**2. Hoạt động tìm hiểu**

**2.1.Tìm hiểu tác giả**

**a.Mục tiêu:** Nắm và hiểu được thông tin về tác giả

**b.Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**c.Tổ chức thực hiện**

B1: Giao nhiệm vụ học tập

HS tìm hiểu về nhà thơ Bằng Việt ở nhà. HS trình bày phần chuẩn bị của mình tại lớp các thông tin sau:

* Tên thật
* Ngày tháng năm sinh
* Quê quán
* Phong cách sáng tác
* Tác phẩm tiêu biểu

B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS trình bày trong 2 phút.

B3: Báo cáo, thảo luận

1HS trình bày. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định

GV chốt nội dung và nhận xét phần trình bày của HS.

Gợi ý trả lời: Vài thông tin về nhà thơ Bằng Việt

* Tên thật: Nguyễn Việt Bằng
* Ngày tháng năm sinh: 15/06/1941
* Quê quán: xã Chàng Sơn, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội
* Phong cách sáng tác: phong cách viết đa dạng, trẻ trung và đầy sức sống; ngôn ngữ thơ tài hoa, giàu hình ảnh; tư tưởng thơ Bằng Việt chịu ảnh hưởng bởi tư tưởng trí thức phương Tây.
* Tác phẩm tiêu biểu: các tập thơ “Hương cây – Bếp lửa” (1968, in chung với Lưu Quang Vũ), “Đất sau mưa” (1977), “Bếp lửa – khoảng trời (1986), …

**2.2.Tìm hiểu tác phẩm**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các kiến thức về tác phẩm

**b. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**c. Tổ chức thực hiện**

B1: Giao nhiệm vụ học tập

HS chuẩn bị ở nhà câu trả lời các câu hỏi sau. Điền đáp án vào PHT:

(1) Năm sáng tác?

(2) Xuất xứ?

(3) Hoàn cảnh sáng tác?

(4) Thể thơ?

(5) Bố cục?

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Câu trả lời** |
| Năm sáng tác |  |
| Xuất xứ |  |
| Hoàn cảnh sáng tác |  |
| Thể thơ |  |
| Bố cục |  |

B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS trả lời đầy đủ vào PHT, trao đổi với bạn cùng bàn.

B3: Báo cáo, thảo luận

5HS trả lời. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt ý.

Gợi ý trả lời:

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Câu trả lời** |
| Năm sáng tác | 1963 |
| Xuất xứ | In trong “Bằng Việt – thơ với tuổi thơ” |
| Hoàn cảnh sáng tác | Bài thơ được sáng tác khi tác giả đang là sinh viên ngành Luật du học Liên Xô. Cảnh xa quê đã gợi lại trong lòng nhà thơ nỗi nhớ quê, nhớ nhà, nhớ người bà kính yêu của mình. |
| Thể thơ | Tự do |
| Bố cục | Khổ 1: Hình ảnh bếp lửa khơi nguồn cảm xúc  Khổ 2, 3, 4, 5: Hồi tưởng kỷ niệm tuổi thơ bên bà và trân trọng những giá trị tốt đẹp bà trao truyền cho cháu  Khổ 6: Nỗi nhớ và tình yêu cháu dành cho bà khi xa bà |

HS hoàn thiện PHT của mình dựa vào gợi ý của GV.

**III: SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI**

**1.Tìm hiểu từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ**

**a. Mục tiêu:** Nhận biếtvà phântích được nét độc đáo của hình thức bài thơ thể hiện qua bố cục, từ ngữ, biện pháp tu từ

**b.** **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**c.** **Tổ chức thực hiện**

B1: Giao nhiệm vụ học tập

Nhóm 4HS hoàn thành PHT. Trong nhóm lớn chia thành 2 nhóm nhỏ, mỗi nhóm gồm 2HS

PHT số 1: nhóm nhỏ 1

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Hình ảnh bếp lửa** | **Hình ảnh bà** | **Biện pháp tu từ** |
| **Khổ 1** |  |  |  |
| **Khổ 2, 3, 4, 5** |  |  |  |
| **Khổ 6** |  |  |  |
| **Mối quan hệ giữa hình ảnh bếp lửa và bà** |  | |  |
| **Sự thay đổi của hình ảnh bếp lửa** |  |  |  |
| **Tác dụng của BPTT** |  |  |  |

HS trả lời các câu hỏi sau:

1. Tìm từ ngữ thể hiện hình ảnh bếp lửa, hình ảnh bà. Làm rõ mối quan hệ giữa hình ảnh bếp lửa và hình ảnh bà trong bài thơ.
2. Chỉ rõ sự thay đổi của hình ảnh bếp lửa qua các khổ thơ.
3. Xác định các biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ và nêu tác dụng của chúng.

PHT số 2: nhóm nhỏ 2

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Yếu tố biểu cảm** | **Yếu tố miêu tả** | **Yếu tố tự sự** |
|  |  |  |  |
| **Tác dụng của từng yếu tố** |  |  |  |
| **Tác dụng của việc kết hợp 3 yếu tố** |  | | |

HS trả lời câu hỏi:

1. Tìm các từ ngữ, hình ảnh thể hiện yếu tố biểu cảm, yếu tố miêu tả, yếu tố tự sự trong bài thơ.
2. Nêu tác dụng của từng yếu tố trong việc thể hiện nội dung bài thơ.
3. Nêu tác dụng của việc kết hợp 3 yếu tố trong việc thể hiện nội dung bài thơ.

B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

2 nhóm nhỏ trong nhóm lớn 4HS theo sự phân công của GV trả lời PHT.

Sau đó, 2 nhóm đổi PHT cho nhau, nhóm này bổ sung câu trả lời cho nhóm kia.

Nhóm 4HS thống nhất và hoàn thiện PHT.

B3: Báo cáo, thảo luận

Đại diện của 1 nhóm trình bày. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt ý.

Gợi ý trả lời:

PHT số 1:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Hình ảnh bếp lửa** | **Hình ảnh bà** | **Biện pháp tu từ** |
| **Khổ 1** | chờn vờn sương sớm  ấp iu nồng đượm | biết mấy nắng mưa | điệp ngữ (một bếp lửa) |
| **Khổ 2, 3, 4, 5** | Lên bốn tuổi… quen mùi khói  khói hun nhèm mắt cháu  Tám năm ròng… cùng bà nhóm lửa  Rồi sớm rồi chiều, lại bếp lửa bà nhen  Một ngọn lửa… luôn ủ sẵn  Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng  Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm  Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi  Nhóm nồi xôi gạo mới, sẻ chung vui  Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ  Ôi kỳ lạ và thiêng liêng | hay kể chuyện những ngày ở Huế  bảo cháu nghe  dạy cháu làm  chăm cháu học  khó nhọc  vững lòng, dặn cháu đinh ninh  lận đận  vẫn giữ thói quen dậy sớm | điệp ngữ (một ngọn lửa)  điệp từ (nhóm)  ẩn dụ (bếp lửa) |
| **Khổ 6** |  | Sớm mai này, bà nhóm bếp lên chưa? | điệp từ (có, trăm) |
| **Mối quan hệ giữa hình ảnh bếp lửa và bà** | Hình ảnh bếp lửa cho ta thấy một người bà đảm đang, tần tảo; chăm sóc cháu chu đáo, ân cần; đảm nhiệm luôn vai trò người cha, người mẹ, người thầy; là điểm tựa tinh thần cho cả gia đình trong những năm tháng chiến tranh khốn khó.  Đồng thời, bà cũng là người trao truyền, hun đúc trong cháu những tình cảm đẹp đẽ: đó là tình yêu thương gia đình, quê hương, làng xóm; sự sẻ chia; là niềm tin vào cuộc sống. | |  |
| **Sự thay đổi của hình ảnh bếp lửa** | Từ hình ảnh bếp lửa thực bà nhóm lên mỗi ngày chuyển thành hình ảnh mang tính biểu tượng cho niềm tin, cho tình yêu thương, cho sức sống mãnh liệt. |  |  |
| **Tác dụng của BPTT** |  |  | Nhấn mạnh ý nghĩa hình ảnh bếp lửa: không phải là bếp lửa bình thường mà là bếp lửa của niềm tin và tình yêu thương vĩnh cửu, không gì có thể thay thế được bà và tình yêu của bà dành cho cháu. |

PHT số 2:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Yếu tố biểu cảm** | **Yếu tố miêu tả** | **Yếu tố tự sự** |
|  | * Từ ngữ biểu cảm trực tiếp: “thương”. * Biểu cảm gián tiếp: từng chi tiết, hình ảnh trong bài thơ đều thể hiện tình cảm yêu thương, kính trọng dành cho bà. | * Bếp lửa: “chờn vờn sương sớm”, “ấp iu nồng đượm”. * Ngựa: “khô rạc”, “gầy”. * Làng: “cháy tàn cháy rụi”. * Bà: “lận đận”, “khó nhọc”. * … | Cả bài thơ là dòng hồi tưởng về bà, kể lại câu chuyện từ khi cháu 4 tuổi đã ở với bà đến khi cháu lớn lên, đi học xa. |
| **Tác dụng của từng yếu tố** | Bộc lộ tình cảm chan chứa, lòng kính yêu của tác giả dành cho bà. | Hình ảnh thơ chân thực, rõ nét; thấy được sự khốn khó của những năm tháng chiến tranh khốc liệt; sự vất vả, hy sinh của bà; tình thương bao la bà dành cho cháu. | Biết và hiểu được câu chuyện tuổi thơ gắn liền với bà của tác giả |
| **Tác dụng của việc kết hợp 3 yếu tố** | Thể hiện hình ảnh bà sống động, chân thực từ khi nhân vật “tôi” còn nhớ đến lúc lớn lên, tình yêu thương vô bờ và lòng biết ơn dành cho bà. | | | |

1. **Tìm hiểu mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo**

**a. Mục tiêu:** Nhận biếtvà phântích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của tác giả thể hiện qua văn bản.

**b.** **Sản phẩm:** Sơ đồ của HS

**c.** **Tổ chức thực hiện**

B1: Giao nhiệm vụ học tập

HS đọc lại bài thơ, nắm lại bố cục, từ đó xác định mạch cảm xúc và cảm hứng chủ đạo rồi điền vào sơ đồ sau:

**CẢM HỨNG CHỦ ĐẠO**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**MẠCH CẢM XÚC**

**BỐ CỤC**

**KHỔ ….**

**KHỔ ….**

**KHỔ ….**

**KHỔ ….**

**KHỔ ….**

**KHỔ ….**

B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS điền vào sơ đồ học tập.

B3: Báo cáo, thảo luận

2HS trình bày sơ đồ: 1HS trình bày mạch cảm xúc, 1HS trình bày cảm hứng chủ đạo.

Các HS khác góp ý, bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt ý.

Gợi ý trả lời:

*Bố cục*:

* Khổ 1
* Khổ 2, 3, 4, 5
* Khổ 6

*Mạch cảm xúc*:

* Khổ 1: Hồi tưởng về hình ảnh bếp lửa của bà.
* Khổ 2, 3, 4, 5: Cảm xúc nghẹn ngào, thương yêu thiết tha, trân trọng những giá trị tốt đẹp mà bà trao truyền cho cháu.
* Khổ 6: Niềm vui với cuộc sống rộng lớn bên ngoài nhưng trong lòng là nỗi nhớ khôn nguôi về bà.

*Cảm hứng chủ đạo*: Cảm hứng ngợi ca hình ảnh bếp lửa ấm áp, thiêng liêng được nhóm lên từ bàn tay và tấm lòng của bà.

1. **Tìm hiểu kết cấu, thông điệp, tư tưởng**
2. **Mục tiêu**

* Nhận biết và phân tích được nét độc đáo về hình thức bài thơ thể hiện qua kết cấu.
* Nhận biết và phân tích được tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật.

1. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS
2. **Tổ chức thực hiện**

B1: Giao nhiệm vụ học tập

1. Nhóm 2HS đọc lại khái niệm kết cấu trong SGK, đồng thời xem lại câu trả lời của các câu hỏi từ 1 đến 4 để nhận biết nét đặc sắc của kết cấu bài thơ (câu 5 SGK).
2. GV nhắc lại khái niệm “thông điệp của tác phẩm văn học” (bài 1, lớp 7), sau đó yêu cầu HS ghi thông điệp vào giấy ghi chú rồi dán lên bảng (câu 6 SGK).
3. GV nhắc lại khái niệm “tư tưởng của tác phẩm văn học” (bài 7, lớp 8). Nhóm 2HS thảo luận với nhau.

B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS thực hiện lần lượt các nhiệm vụ từ 1 đến 3.

B3: Báo cáo, thảo luận

HS đại diện nhóm trả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt ý.

Gợi ý trả lời:

* Kết cấu: Nét đặc sắc trong kết cấu của văn bản là tạo ra một chỉnh thể tác phẩm toàn vẹn từ nội dung tới hình thức: xây dựng hình ảnh sóng đôi bà - bếp lửa; kết hợp 3 yếu tố miêu tả - tự sự - biểu cảm; sự phát triển của hình ảnh bếp lửa từ hình ảnh thực thành hình ảnh ẩn dụ, … Tất cả yếu tố đó đã góp phần tạo nên hình ảnh bà đại diện cho những giá trị tốt đẹp của phụ nữ Việt Nam và thể hiện tình yêu thương, nỗi nhớ bà khôn nguôi.
* Thông điệp: Tình yêu thương là ngọn lửa dẫn dắt ta trong cuộc sống, tạo động lực cho ta sống tốt hơn.
* Tư tưởng: Những điều tốt đẹp được gieo mầm, hình thành từ tuổi thơ giúp con người trưởng thành, nâng đỡ con người trên bước đường đời.

1. **Liên hệ, vận dụng**
2. **Mục tiêu:** Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống, cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do văn bản mang lại.

**b.Sản phẩm:** Đoạn văn của HS

**c.Tổ chức thực hiện**

B1: Giao nhiệm vụ học tập

HS về nhà viết đoạn văn (câu 8 SGK) đảm bảo các yêu cầu sau:

* Hình thức: đoạn văn có độ dài không quá 200 chữ, có câu chủ đề, nội dung câu chủ đề được triển khai bằng các câu tiếp theo, mở đoạn viết hoa và lùi đầu dòng, kết đoạn bằng dấu chấm câu.
* Nội dung: giới thiệu khái quát về người có ảnh hưởng lớn đến người viết, thể hiện được tình cảm của bản thân đối với người đó, nêu vài bằng chứng để làm rõ sự ảnh hưởng của người đó đến người viết.

Tiết học sau HS đọc đoạn văn trước lớp.

B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS thực hiện ở nhà.

B3: Báo cáo, thảo luận

GV mời 2 – 3HS đọc đoạn văn.

B4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, sửa chữa và rút kinh nghiệm cho bài viết của HS.

1. **Khái quát đặc điểm thể loại và rút ra kinh nghiệm đọc**
2. **Mục tiêu**

* Khái quát được một số đặc điểm của thơ trong bài thơ “Bếp lửa”.
* Bước đầu rút ra được một số kinh nghiệm đọc thơ.

**b.Sản phẩm:** Bảng tóm tắt một số đặc điểm thể loại, những điểm cần lưu ý khi đọc văn bản thơ.

**c.Tổ chức thực hiện**

B1: Giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS thực hiện 2 nhiệm vụ sau:

1. HS xem lại câu trả lời của những phần trên và hoàn thành bảng tóm tắt:

|  |  |
| --- | --- |
| **Một số đặc điểm của thể loại thơ** | **Thể hiện trong bài thơ “Bếp lửa”** |
| Ngôn ngữ |  |
| Biện pháp tu từ |  |
| Mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo |  |
| Kết cấu |  |
| Thông điệp |  |
| Tư tưởng, chủ đề |  |

1. Nêu những điểm cần lưu ý khi đọc văn bản thơ.

B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS điền vào bảng tóm tắt.

HS dựa vào hoạt động suy ngẫm và phản hồi tự rút những điểm cần lưu ý khi đọc văn bản thơ.

B3: Báo cáo, thảo luận

2HS trả lời. Các HS khác bổ sung ý.

B4: Nhận xét, kết luận

GV nhận xét sản phẩm và câu trả lời của HS, chốt ý.

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**

**1. Hoạt động hướng dẫn Đọc kết nối chủ điểm: *Vẻ đẹp của Sông Đà***

***a. Mục tiêu:***

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung VB.

- Liên hệ, kết nối với các VB *Quê hương, Bếp lửa, Mùa xuân nho nhỏ* để hiểu hơn về chủ điểm *Thương nhớ quê hương.*

***b. Sản phẩm:*** Kết quả đọc, câu trả lời của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

\* Giao nhiệm vụ học tập: HS thực hiện hoạt động Đọc kết nối chủ điểm ở nhà trong SGK.

\* Thực hiện nhiệm vụ: HS về nhà đọc VB và trả lời các câu hỏi Suy ngẫm và phản hồi trong SGK.

\* Báo cáo, thảo luận: HS sẽ báo cáo kết quả hoạt động đọc tại nhà với các bạn trong lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

\* Kết luận, nhận định: Thực hiện trong tiết báo cáo sản phẩm đọc.

**2. Hoạt động báo cáo sản phẩm đọc kết nối chủ điểm: *Vẻ đẹp của Sông Đà***

***a. Mục tiêu:*** Báo cáo sản phẩm đọc kết nối chủ điểm.

***b. Sản phẩm:*** Phần trình bày kết quả đọc của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

\* Giao nhiệm vụ học tập: HS xem lại và hoàn thiện sản phẩm nhiệm vụ đọc đã thực hiện và chia sẻ với bạn cùng nhóm.

\* Thực hiện nhiệm vụ: Bốn HS cùng nhóm thảo luận.

\* Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số nhóm báo cáo, các nhóm khác bổ sung.

\* Kết luận, nhận định: Dựa trên câu trả lời của HS, GV hướng dẫn:

**Câu 1:**

- Vẻ đẹp hùng vĩ, trữ tình, thơ mộng, hoang sơ của sông Đà được nhìn từ các góc nhìn: từ trên máy bay nhìn xuống, từ trên mặt đất, trên sông nhìn sang hai bờ sông.

- Một số từ ngữ miêu tả sông Đà từ góc nhìn trên cao: cái dây thừng ngoằn ngoèo, từng nét sông tãi ra trên đại dương đá lờ lờ bóng mây, tuôn dài như một áng tóc trữ tình, mùa xuân dòng xanh ngọc bích; từ ngữ miêu tả sông Đà từ góc nhìn trên mặt đất: màu nắng tháng ba Đường thi, bờ sông Đà, bãi sông Đà, chuồn chuồn bươm bướm trên sông Đà; từ ngữ miêu tả sông Đà từ hai bên bờ sông: 45 cảnh ven sông lặng tờ, nương ngô nhú lên mấy lá ngôn non đầu mùa, cỏ gianh đồi núi đang ra những nõn búp, đàn hươu cúi đầu ngốn búp cỏ gianh, bờ sông hoang dại.

**Câu 2:**

- Tác dụng của biện pháp so sánh trong câu thứ nhất: làm rõ toàn cảnh vẻ đẹp trữ tình, nên thơ của sông Đà.

- Tác dụng của biện pháp so sánh trong câu thứ hai: làm rõ vẻ đẹp hoang sơ của sông Đà, vẻ đẹp chưa bị bàn tay con người khai phá.

**Câu 3:** Tự hào, say mê với vẻ đẹp của sông Đà, của Tổ quốc (hình như khi mà ta đã quen đọc bản đồ sông núi, thì mỗi lúc ngồi tàu bay trên chiều cao mà nhìn xuống đất nước Tổ quốc bao la, mùa xuân dòng xanh ngọc bích, vui như thấy nắng ròn tan sau kì mưa dầm, vui như nối lại chiêm bao đứt quãng; gặp lại cố nhân); giận dữ vì thực dân Pháp đã đặt tên sông Đà là đen (chưa hề bao giờ tôi thấy dòng sông Đà là đen...).

**Câu 4:** Đây là câu hỏi mở, HS có thể tìm những từ ngữ khác nhau, miễn là giải nghĩa được từ dựa vào ngữ cảnh.

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ ngữ mới mẻ, thú vị** | **Giải nghĩa** |
| …………………………………………….. | ……………………………………………. |

**BẢNG KIỂM KĨ NĂNG ĐỌC DIỄN CẢM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Có** | **Không** |
| Đọc to, rõ |  |  |
| Đọc trôi chảy, lôi cuốn |  |  |
| Sử dụng giọng điệu khác nhau để thể hiện được cảm xúc của nhân vật trữ tình khi nhìn con sông Đà ở nhiều điểm nhìn |  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

**KHÁM PHÁ VĂN BẢN *VẺ ĐẸP CỦA SÔNG ĐÀ***

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhóm** | **Nhiệm vụ** |
| ***1*** | Thiết kế brochure giới thiệu về sông Đà: vị trí địa lý, đặc điểm, tài nguyên, tầm quan trọng của sông Đà. |
| ***2*** | Vẻ đẹp của sông Đà hiện lên như thế nào trong văn bản và được miêu tả từ những góc nhìn nào? Những từ ngữ, hình ảnh nào thể hiện sông Đà từ những góc nhìn đó? |
| ***3*** | Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong các câu văn:  - *Con sông Đà tuôn dài, tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc, chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban, hoa gạo tháng Hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân.*  *- Bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử. Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa.* |
| ***4*** | Tác giả thể hiện những cảm xúc gì khi miêu tả sông Đà? Tìm những chi tiết từ văn bản để làm rõ ý kiến của em. |

**2. Đọc mở rộng thể loại Mùa xuân nho nhỏ**

**Phần I. Trải nghiệm cùng văn bản.**

**a. Mục tiêu:** Đọc văn bản và thực hiện một số kĩ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi trong khi đọc.

**b. Nội dung**: GV đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Gv gọi HS đọc trước lớp, các bạn còn lại lắng nghe và đánh giá bài đọc của bạn dựa theo mẫu bảng sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | Đ | CĐ | | Đọc to, rõ ràng, trôi chảy |  |  | | Đọc đúng, không thêm từ, bớt từ. |  |  | | Tốc độ, âm lượng đọc phù hợp. |  |  | | Giọng đọc diễn cảm, thể hiện được cảm xúc của nhân vật trữ tình. |  |  |   **- GV đặt câu hỏi gợi dẫn:** Em hãy nêu hiểu biết về tác giả, tác phẩm.  **\*Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **\*Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS quan sát, lắng nghe, trả lời câu hỏi.  **\*Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động.**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung. | **I. Trải nghiệm cùng văn bản:**  **1.Tác giả:** **Thanh Hải (1930-1980).**  - Tên thật là Phạm Bá Ngoãn.  - Quê: Huế.  - Nhà thơ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Pháp, Mỹ.  - Là cây bút có công trong nền xây dựng văn học Cách mạng miền Nam ngay những ngày đầu.  **2. Tác phẩm**  **- Xuất xứ**: in trong tập thơ “Mùa xuân nho nhỏ”, xuất bản 1980.  - **Hoàn cảnh sáng tác:** Viết tháng 11/1980, khi nhà thơ đang nằm trên giường bệnh - không bao lâu trước khi ông qua đời.  **- Thể thơ:** 5 chữ.  **- PTBĐ:** biểu cảm. |

**Phần II. Suy ngẫm và phản hồi**

**a. Mục tiêu:** Nắm được.

- Vẻ đẹp của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, BPTT.

- Bố cục, mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của bài thơ.

- Ý nghĩa nhan đề, chủ đề của bài thơ.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi, hoàn thành phiếu học tập.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV tổ chức Hoạt động BÁO CÁO SẢN PHẨM.**  **+ Nhóm 1,2:** Chỉ ra ít nhất hai biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ thứ 4 và 5. Phân tích tác dụng của chúng.  **+ Nhóm 3,4:**  Mùa xuân của thiên nhiên, mùa xuân, đất nước được gợi tả như thế nào trong ba khổ thơ đầu?  **\*Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **\*Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận.**  - HS trình bày sản phẩm nhóm.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\*Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động.**  - GV nhận xét, đánh giá. | **II. Suy ngẫm và phản hồi :**  **1. Vẻ đẹp của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, BPTT.**  **a. Từ ngữ, hình ảnh:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Từ ngữ** | **Hình ảnh, âm thanh** | **Nhận xét** | | **Khổ 1:**  + *dòng sông xanh, bông hoa tím biếc, màu xanh của lá ngụy trang, nương mạ*  + *hót vang trời* | + Dòng sông, bông hoa.  + Tiếng chim chiền chiện hót.  🡪 Tươi thắm, đầy màu sắc, âm thanh. | Mùa xuân của thiên nhiên tươi đẹp, đầy sức sống hoà cùng mùa xuân của đất nước với sự phát triển và hi vọng | | **Khổ 2:**  + *xôn xao*  + *từng giọt long lanh rơi*  + *mùa xuân người cầm súng*  *+ mùa xuân người ra đồng* | + Cuộc sống lao động.  + Âm thanh tiếng chim (được cụ thể hoá thành hình khối, màu sắc thể hiện sự chuyển đổi cảm giác: từ thính giác 🡪 thị giác 🡪 xúc giác).  + Hình ảnh người lao động, người cầm súng dựng xây đất nước. | | **Khổ 3:**  *+ Ðất nước bốn nghìn năm  + vất vả, gian lao*  *+ vì sao, đi lên phía trước.* | + Hình ảnh đất nước và niềm tin vào sự phát triển của đất nước. |   **b. Biện pháp tu từ:**  **- Ẩn dụ.**  *+ con chim hót, cành hoa, mùa xuân nho nhỏ 🡪* Ước nguyện bình dị, khiêm nhường của nhà thơ được cống hiến cho đất nước.  + *nốt trầm xao xuyến* 🡪 Cảm xúc trầm lắng của nhà thơ.  + *hoà ca* 🡪 Chỉ cộng đồng, dân tộc.  **- Điệp ngữ**: *ta làm, dù là 🡪* Nhấn mạnh ước nguyện của nhà thơ được cống hiến dù là còn trẻ hoặc đã già. |
| **\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- GV yêu cầu hs hoàn thành PHT sau:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Bố cục** | **Mạch cảm xúc** | **Cảm hứng chủ đạo** | | : |  |  |   Hs tiếp nhận nhiệm vụ  **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS hoạt động nhóm  **\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **\*Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **2. Bố cục, mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của bài thơ:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Bố cục** | **Mạch cảm xúc** | **Cảm hứng chủ đạo** | | **Khổ 1**: cảm xúc trước mùa xuân của đất trời | Say sưa, trìu mến trước mùa xuân của đất trời | + Ngợi ca sức sống thanh xuân của đất nước, con người  + Ước nguyện được dâng hiến, sự đóng góp sức mình cho đất nước ngày càng giàu đẹp. | | **Khổ 2,3**: cảm xúc trước mùa xuân của đất nước | Phấn chấn, vui tươi trước mùa xuân đất nước | | **Khổ 4,5**: ước nguyện được cống hiến của nhà thơ | Tha thiết, trầm lắng khi bày tỏ ước nguyện được nhập vào bản hoà ca của đất trời, vào mùa xuân của đất nước của riêng mình | | **Khổ cuối**: cảm xúc trước mùa xuân, ngợi ca quê hương, đất nước qua điệu dân ca Huế | Tình cảm thiết tha, tự hào về quê hương, đất nước | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn:**  + Giải thích ý nghĩa nhan đề bài thơ?  + Chủ đề bài thơ là gì? Nêu căn cứ để xác định chủ đề.  **\*Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **\*Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm nhóm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\*Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động.**  - GV nhận xét, đánh giá. | **3. Ý nghĩa nhan đề, chủ đề của bài thơ:**  **a. Ý nghĩa nhan đề *Mùa xuân nho nhỏ*.**  **- Nghĩa thực:** gợi về mùa xuân của đất trời, của thiên nhiên, vũ trụ.  **- Nghĩa ẩn dụ:** thể hiện nhận thức của tác giả mỗi người là một mùa xuân nhỏ, mỗi người cần sống đẹp, tươi trẻ như mùa xuân, góp phần tạo nên mùa xuân lớn của đất trời, của đất nước.  🡺 Niềm say mê trước mùa xuân thiên nhiên tươi đẹp, đồng thời thể hiện khát vọng được công hiến hết mình để làm đẹp cho mùa xuân của đất nước của tác giả.  **b. Chủ đề của bài thơ.**  **- Chủ đề**: ước nguyện được đóng góp phần nhỏ bé của mình để làm nên mùa xuân tươi đẹp của quê hương, đất nước.  **- Các căn cứ để xác định chủ đề là**  + các từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.  + bố cục, mạch cảm xúc, nhan đề bài thơ.  + giọng thơ tha thiết, trầm lắng,... |

**TIẾT...... THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:**

**CHƠI CHỮ, ĐIỆP THANH, ĐIỆP VẦN**

**I. Mục tiêu:**

**1. Về năng lực:**

**a. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết được biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh và điệp vần: đặc điểm và cấu trúc.

**b. Năng lực chung:**

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin.

**2. Về phẩm chất:**

- Nhân ái: yêu ngôn ngữ dân tộc.

- Chăm chỉ: chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, hoàn thành các bài tập.

- Trách nhiệm: có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, cùng đội nhóm hoàn thành nhiệm vụ.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**1. Thiết bị dạy học.**

- Kế hoạch bài dạy.

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

**2. Học liệu:**

- Tài liệu liên quan đến nội dung bài học (phiếu học tập,...).

**III. Tiến trình dạy học:**

**\*Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV cho HS xem video bài hát ”Con cua đá” của tác giả NGọc Cừ - Phan Ngạn và đặt câu hỏi gợi dẫn:** Trong bài hát có từ ngữ nào được sử dụng theo lối nói lái? Nói lái như vậy có tác dụng gì?

***- GV dẫn dắt vào bài học mới:*** *một bài hát rất thú vị và ý nghĩa, điều đặc biệt là trong bài hát có các từ được dùng theo lối nói lái. Đó cũng là một phần trong nội dung chúng ta sẽ tìm hiểu của bài học ngày hôm nay, cụ thể như thế nào, cô mời cả lớp cùng vào bài Thực hành tiếng Việt nhé!*

**\*Hoạt động 2: Hình thành kiến thức.**

**a. Mục tiêu:** Tìm hiểu nội dung kiến thức về các BPTT chơi chữ, điệp thanh, điệp vần.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS**.**

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\*Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **CHẶNG 1: LÀM CHỦ KIẾN THỨC**  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn:**  + Em có nhận xét gì về nghĩa của các từ “lợi” có trong bài ca dao?  + Việc sử dụng từ “lợi” ở cuối bài ca dao là dựa vào hiện tượng gì của từ ngữ? Tác dụng.  Bà già đi chợ Cầu Đông  Bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng?  Thầy bói xem quẻ nói rằng:  **Lợi** thì có **lợi**, nhưng răng không còn?  (Ca dao)  + Em có nhận xét gì về nghĩa của các từ in đậm có trong bài ca dao?  *Con* ***cá đối*** *bỏ trong* ***cối đá****,*  *Con* ***mèo cái*** *nằm trên* ***mái kèo,***  *Trách cha mẹ em nghèo, anh nỡ phụ duyên em*  + Em có nhận xét về về thanh điệu trong 2 câu thơ trên?  + Việc sử dụng liên tiếp những thanh bằng có tác dụng gì?  *Khi trời quanh tôi làm bằng tơ*  *Khi trời quanh tôi làm bằng thơ.*  *(Xuân Diệu)*  + Em hãy nhận xét về cách gieo vần trong ví dụ sau:  *Lá bàng đang đỏ ngọn cây*  *Sếu giang mang lạnh đang bay giữa trời*  *(Tố Hữu, Tiếng hát sang xuân)*  **\*Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **\*Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.**  - HS lắng nghe, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\*Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức . | **I. Tri thức tiếng Việt:**  **1. Chơi chữ:**  Bà già đi chợ Cầu Đông  Bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng?  Thầy bói xem quẻ nói rằng:  **Lợi** thì có **lợi**, nhưng răng không còn?  (Ca dao)  - **Lợi 1:** lợi ích.  - **Lợi 2:** phần thịt bao quanh chân rang.  ◊ Âm giống nhau – Nghĩa khác nhau **◊Hiện tượng đồng âm.**  ◊ Tạo ra sự hài hước, dí dỏm, làm tang sức hấp dẫn cho bài ca dao.  *Con* ***cá đối*** *bỏ trong* ***cối đá****,*  *Con* ***mèo cái*** *nằm trên* ***mái kèo,***  *Trách cha mẹ em nghèo, anh nỡ phụ duyên em*  - Cá đối ⇓◊ cối đá  - Mèo cái ⇓◊ mái kèo  ◊ **Dùng lối nói lái**: lời trách móc của cô gái đối với người yêu  **\* Khái niệm**: chơi chữ là BPTT sử dụng âm thanh, từ ngữ để tạo sắc thái dí dỏm, hài hước  **\* Tác dụng:** tạo ra ý nghĩa bất ngờ, thú vị, làm tăng sức hấp dẫn cho văn bản.  **\* Phân loại**  - Hiện tượng đồng âm  - Lối nói gần âm  - Cách điệp âm  - Lối nói lái  - Lối tách từ…  **\* Phạm vi sử dụng:**  - Trong sáng tác văn chương (đặc biệt trong thơ văn trào phúng).  - Trong cuộc sống hàng ngày.  **2. Điệp thanh:**  *Khi trời quanh tôi làm bằng tơ*  *Khi trời quanh tôi làm bằng thơ.*  *(Xuân Diệu)*  **2 câu thơ đều sử dụng thanh bằng.**  ◊ Gợi ra một không gian rất nhẹ và thơ, tăng sức tạo hình và sức biểu cảm cho sự diễn đạt, góp phần làm nên tính nhạc cho đoạn thơ.  **\* Khái niệm**: là biện pháp tu từ lặp lại thanh điệu (thường cùng thanh bằng hoặc cùng thanh trắc).  **\* Tác dụng:** tạo nên nhạc tính, tăng tính tạo hình và sức biểu cảm cho văn bản.  **3. Điệp vần:**  *Lá bàng đang đỏ ngọn cây*  *Sếu giang mang lạnh đang bay giữa trời*  *(Tố Hữu, Tiếng hát sang xuân)*  “**bàng, đang, giang, mang, đang”**  ◊ Lặp lại các âm tiết có vần “ang”.  ◊ Tạo nên tính nhạc cho hai dòng thơ, đồng thời gợi cho người đọc hình dung về một không. gian rộng lớn, khoáng đạt.  **\* Khái niệm**: là biện pháp tu từ lặp lại những âm tiết có phần giống nhau.  **\* Tác dụng:** tăng sức biểu cảm và nhạc tính cho văn bản. |

**\*Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** biết sử dụng kiến thức vừa học để giải quyết các bài tập.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\*Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ.**  **CHẶNG 2: GIẢI MÃ BÀI TẬP**  **GV chia lớp thành 2 nhóm, yêu cầu HS hoàn thành PHT.**  **Thời gian:** 5 phút.  - GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập 2,4,5,6  **\*Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.**  - HS suy nghĩ, làm bài  **\*Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS suy nghĩ, hoàn thành nhiệm vụ nhóm và hoàn thành bài tập  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\*Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Bài 1**  **a. + Đồng âm:** “quốc quốc” (chim cuốc – nước).  **+ Gần âm:** “gia gia” (chim đa đa – nhà).  ◊ Tạo ý nghĩa bất ngờ, thú vị, làm tăng sức hấp dẫn cho văn bản.  **b. Nói lái:**  + cá đối – cối đá  + mèo cụt đuôi – mút đuôi mèo  ◊ Tạo ra những liên tưởng bất ngờ, thú vị, gây ấn tượng cho người đọc  **c. Đồng âm:**  + chả (một món văn)  + chả (không)  ◊ Khiến cho cách diễn đạt trở nên thú vị, hấp dẫn  **Bài 2**  **BPTT chơi chữ nói lái:**  *Đụng là cháy – chạy là đúng*  *Chả sợ gì – chỉ sợ già*  ⎝ **Tác dụng:** Gây tiếng cười, hài hước dí dỏm cho người nghe.  **Bài 3**  **a. Sử dụng toàn thanh bằng.**  ◊ Tạo âm hưởng nhẹ nhàng, tăng tính tạo hình và sức biểu cảm, gợi liên tưởng về một không gian mênh mông, nhiều cảm xúc.  b. Câu 1: 5/7 thanh trắc.  Câu 2: toàn thanh bằng.  ◊ Đối lập.  ◊ Tạo nhạc tính, tăng sức biểu cảm, góp phần thể hiện ý nghĩa của 2 dòng thơ.  **Bài 4**  a. Đoạn trích sử dụng rất nhiều thanh bằng, đặc biệt vị trí cuối câu luôn là thanh bằng.  b. **Tác dụng**: tạo nên nhạc tính, tăng sức biểu cảm cho văn bản, gợi ra một không gian tĩnh lặng đến vô cùng.  **Bài 5**  **- Điệp thanh:** Hai câu thơ sử dụng toàn thanh bằng.  **- Điệp vần:** Sự lặp lại các âm tiết có vần.  + “ương” (sương – nương – tương).  + “ưng” (ngừng – lưng).  + “ơi” (chơi – vơi).  **Tác dụng**: tạo nên nhạc tính cho hai dòng thơ, đồng thời cho người đọc hình dung về một không gian đầy chất thơ, không gian cảm xúc của con người.  **Bài 6**   |  |  | | --- | --- | | **Nhịp thơ** | Chủ yếu nhịp 4/3 | | **Vần** | Lặp lại các âm tiết có vần “ôi” (rồi – tôi – tôi) | | **Thanh điệu** | Sự lặp lại của các thanh bằng | | **Tác dụng** | Làm nên sự hài hoà về âm thanh, tạo nên nhạc tính cho đoạn thơ | |

**\*Hoạt động 4: Vận dụng.**

**Vận dụng 1:**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**CHẶNG 3: MẬT NGỮ TRÍ NHỚ**

- Trời cho = Trò chơi

- Biệt thự = Bự thiệt

- Nhỏ mọn = Mỏ nhọn

- Đầu tiên = Tiền đâu

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Vận dụng 2:**

***a. Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức về biện pháp tu từ chơi chữ hoặc điệp thanh, điệp vần vào viết đoạn hoặc làm một bài thơ.

***b. Sản phẩm*:** Một đoạn văn hoặc một bài thơ có sử dụng chơi chữ hoặc điệp thanh, điệp vần.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập*: Viếtmột đoạn văn hoặc một bài thơ có sử dụng một hoặc hai biện pháp tu từ: chơi chữ, điệp thanh, điệp vần. Lưu ý: GV có thể cho HS thực hiện bài tập này ở nhà, trình bày sản phẩm trong Bảng học tập của lớp hoặc padlet.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:*Cá nhân thực hiện nhiệm vụ.

*\* Báo cáo, thảo luận* và *Kết luận, nhận định:*HS trình bày sản phẩm, các HS khác và GV khen ngợi, góp ý về: (1) sản phẩm của HS có sử dụng biện pháp tu từ chơi chữ hoặc điệp thanh, điệp vần hay không? (2) tác dụng của việc sử dụng các biện pháp đó.

**Rút kinh nghiệm**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG VIẾT**

*LÀM MỘT BÀI THƠ TÁM CHỮ*

**Thời gian: 2 tiết**

1. **MỤC TIÊU DẠY HỌC**

Sau khi học xong bài này, HS có thể:

1. **Năng lực**
   1. **Năng lực đặc thù**

* Bước đầu biết làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.
  1. **Năng lực chung**
* Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.
* Năng lực giao tiếp, hợp tác: biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ.
* Năng lực sáng tạo: Hình thành ý tưởng dựa trên các nguồn thông tin đã cho.

1. **Phẩm chất:** Yêu vẻ đẹp của thiên nhiên, yêu quê hương.
2. **KIẾN THỨC CẦN DẠY TRONG BÀI HỌC**

* Đặc điểm của một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.
* Cách làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

1. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

* Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng để chiếu tranh ảnh.
* SGK, SGV
* PHT tìm ý tưởng cho bài thơ.

1. **TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**
2. **HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**
3. **Hoạt động xác định nhiệm vụ viết**
4. **Mục tiêu**: Xác định được nhiệm vụ viết.
5. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập cần thực hiện.
6. **Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc nội dung trong SGK, tên đề mục phần kĩ năng Viết và xác định nhiệm vụ học tập.  - GV đặt câu hỏi: Dựa vào yêu cầu cần đạt và tên đề mục phần kĩ năng Viết, các em hãy cho biết: trong bài học này, chúng ta sẽ thực hiện nhiệm vụ viết nào?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc cá nhân: Đọc thông tin trong SGK và tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời trước lớp về nhiệm vụ học tập sẽ thực hiện.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét câu trả lời của HS, xác nhận lại nhiệm vụ học tập: Trong bài học này, HS sẽ làm một bài thơ tám chữ. | **\*HS xác định được nhịêm vụ học tập**  - Biết làm một bài thơ tám chữ. |

1. **Hoạt động giới thiệu tình huống khi thực hiện bài viết**
2. **Mục tiêu:** HS trình bày được tình huống cụ thể cần làm một bài thơ.
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về tình huống cụ thể cần làm một bài thơ.
4. **Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, trả lời câu hỏi:Theo em, người ta thường làm thơ, viết văn, sáng tác nhạc trong hoàn cảnh nào?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm và tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện 2-3 nhóm HS trình bày, các nhóm khác góp ý, bổ sung (nếu có).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét và hướng dẫn HS tổng hợp vấn đề theo một số định hướng tham khảo sau: Một số tình huống có thể làm một bài thơ tám chữ: có cảm hứng trước một vấn đề, cảm xúc dâng trào muốn thể hiện cách nhìn, cách cảm nhận mới lạ, thú vị, … về cuộc sống; thể hiện cảm xúc về một sự vật/ hiện tượng trong cuộc sống; tham gia một cuộcthi thơ; tặng thơ để bày tỏ tình cảm với người thân, bạn bè, …  - GV dẫn dắt, giới thiệu nội dung bài học mới. | \* HS xác định được một số tình huống có thể làm một bài thơ tám chữ:  - thể hiện cảm xúc về cuộc sống;  - tham gia cuộc thi thơ;  - bày tỏ tình cảm, cảm xúc với người thân, bạn bè, … |

1. **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**
2. **Hoạt động tìm hiểu tri thức về kiểu bài**
   1. **Hoạt động khởi động**
3. **Mục tiêu:** Kích hoạt kiến thức nền về đặc điểm của một bài thơ đã học trong chương trình lớp 8.
4. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS trình bày hiểu biết nền về một bài thơ bốn chữ học năm chữ.
5. **Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV sử dụng kĩ thuật động não, HS nhắc lại đặc điểm của thể thơ tám chữ bằng cách trả lời nhanh câu hỏi sau: Em biết gì về thể thơ tám chữ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm và thực hiện nhiệm vụ học tập.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện 2-3 nhóm HS trình bày trước lớp; các nhóm khác góp ý, bổ sung (nếu có).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Dựa trên câu trả lời của HS, GV nhận xét ý kiến của HS, nhắc lại một số đặc điểm về thể thơ và giới thiệu hoạt động viết. | **\* Kích hoạt kiến thức nền**  - HS nhắc lại những nhắc lại đặc điểm của thể thơ tám chữ.  + số tiếng  + số dòng  + Cách gieo vần |

* 1. **Hoạt động tìm hiểu tri thức về cách làm thơ nói chung và thơ bốn chữ, năm chữ nói riêng.**

1. **Mục tiêu:** Trình bày được đặc điểm của một bài thơ hay nói chung bà đặc điểm của thể thơ tám chữ.
2. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về đặc điểm của một bài thơ hay nói chung và đặc điểm của thể thơ tám chữ.
3. **Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc khung thông tin trong SGK/ tr.22, thảo luận và trả lời những câu hỏi sau:  + Theo em, thế nào là một bài thơ hay?  + Muốn làm một bài thơ thì cần làm gì?  + Một bài thơ tám chữ cần đảm bảo những yêu cầu gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc SGK và thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện nhóm HS trình bày trước lớp ý kiến của mình; các nhóm khác góp ý, bổ sung (nếu có).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV câu trả lời của HS và kết luận về đặc điểm của một bài thơ hay hay nói chung và đặc điểm của thể thơ tám chữ. | **\* Một số điểm cần lưu ý khi làm một bài thơ:**  - Thể hiện cách nhìn, cách cảm nhận … của người viết về cuộc sống.  - Sử dụng từ ngữ, hình ảnh phù hợp để thể hiện cách nhìn, cảm xúc của bản thân về cuộc sống.  - Sử dụng các biện pháp tu từ phù hợp để tạo nên những liên tưởng độc đáo, thú vị.  - Gieo vần, ngắt nhịp một cách hợp lý để làm tăng giá trị biểu đạt của ngôn từ.  - Đặt nhan đề phù hợp với nội dung văn bản.  - Đảm bảo đủ số chữ ở các dòng thơ theo yêu cầu của thể loại. |

1. **Hoạt động hướng dẫn quy trình viết**
2. **Mục tiêu**:

* Nhận biết được những thao tác cần làm, những lưu ý khi thực hiện các bước trong quy trình làm một bài thơ tám chữ.
* Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ.

1. **Sản phẩm:** bảng tóm tắt của HS (theo mẫu PHT)
2. **Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS đọc phần hướng dẫn quy trình viết trong SGK, sau đó thảo luận nhóm và tóm tắt thông tin quy trình làm một bài thơ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo cặp và trả lời nhanh ra giấy.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày trước lớp. Các HS khác bổ sung (nếu có).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét quá trình làm việc nhóm của HS thông qua quan sát. GV chú ý đánh giá mức độ chủ động của HS trong việc đề xuất mục đích hợp tác trước khi bắt đầu thảo luận.  - GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ, hướng dẫn HS kết luận theo định hướng như sản phẩm dự kiến. | **\* Quy trình viết gồm bốn bước:**  Bước 1: Trước khi viết  Bước 2: Tìm ý tưởng cho bài thơ  Bước 3: Làm thơ  Bước 4: Chỉnh sửa và chia sẻ. |

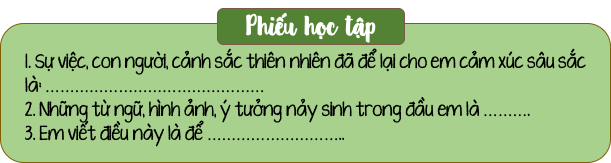
1. **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP LÀM THƠ BỐN CHỮ HOẶC NĂM CHỮ**
2. **Hoạt động chuẩn bị trước khi viết**

**Hoạt động xác định mục đích, đối tượng và đề tài**

1. **Mục tiêu**: Biết cách xác định mục đích, đối tượng và đề tài cho bài thơ sẽ viết.
2. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về việc xác định mục đích, đối tượng và đề tài cho bài thơ sẽ viết.
3. **Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS đọc đề bài trong SGK/tr.24. Sau đó yêu cầu HS xác định mục đích, đối tượng và đề tài cho bài thơ của mình qua các câu hỏi:  + Bài thơ này được viết nhằm mục đích gì?  + Người đọc bài thơ của em có thể là ai?  + Em định viết về đề tài gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ, tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày trước lớp.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá. | **\* Bước 1: Chuẩn bị viết**  **+ Đối tượng:** người đọc là những người quan tâm đến thơ ca. Đặc biệt là những bài thơ đề cập đến vẻ đẹp thiên nhiên.  **+ Mục đích:** chia sẻ cảm xúc của mình về một sự vật, hiện tượng, cảnh đẹp thiên nhiên hoặc cuộc sống với người đọc.  **+ Đề tài:** là một bài thơ tám chữ thể hiện cảm xúc của em về một sự vật, hiện tượng của thiên nhiên hoặc cuộc sống. |

1. **Hoạt động tìm ý tưởng cho bài thơ và làm thơ (có thể thực hện tại nhà)**
2. **Mục tiêu:** Biết cách tìm ý tưởng và làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ. Hình thành ý tưởng dựa trên các nguồn thông tin đã cho
3. **Sản phẩm:** Nội dung đã hoàn thành của PHT do HS viết.



1. **Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  (1) Từ đề tài đã xác định, GV hướng dẫn HS tìm ý tưởng cho bài thơ bằng cách điền vào PHT sau:  A green sign with black text  Description automatically generated  (2) Sau khi HS đã hoàn thành xong PHT, GV thể hiện các ý tưởng lần lượt thành các dòng thơ theo chỉ dẫn của bước 3 trong SGK. GV yêu câu HS viết tối thiểu 1 khổ thơ gồm 4 dòng (bôn chữ hoặc năm chữ).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Với nhiệm vụ (1): HS thực hiện tại lớp.  - Với nhiệm vụ (2): HS thực hiện tại nhà.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS chuẩn bị trình bày bài thơ theo hình thức cặp đôi/ nhóm 4-6 HS hoặc trước tập thể lớp.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét về mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS trong thời gian viết do GV quy định.  \* Lưu ý: GV chưa nên đánh giá, nhận xét công khai trước lớp về sản phẩm bài viết của HS. Việc này nên được thực hiện sau khi tổ chức cho HS tự đánh giá lẫn nhau và chỉnh sửa bài viết của mình. | \* Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý  - Sản phẩm là sơ đồ tìm ý, dàn ý của HS. |

1. **Hoạt động xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**
   1. **Hoạt động xem lại và chỉnh sửa**
2. **Mục tiêu:** Biết cách chỉnh sửa bài viết của bản thân và các bạn; Nhận xét được bài thơ của HS khác.
3. **Sản phẩm:** Phần nhận xét, đánh giá bài viết của HS.
4. **Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  (1) GV yêu cầu HS dựa vào bảng kiểm trong SGK/tr.24,25 để tự kiểm tra, đánh giá lại bài thơ của mình.  (2) Sau khi hoàn thành việc tự chỉnh sửa, GV có thể mời một số HS đọc bài thơ của mình trước lớp và mời các HS khác nhận xét.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ (1) và (2).  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đối với nhiệm vụ (2), một số HS đọc bài thơ của mình trước lớp, sau đó các HS khác chia sẻ, nhận xét về bài thơ của bạn (dựa trên bảng kiểm).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV đánh giá và nhận xét trên ba phương diện:  (1) Những ưu điểm cần phát huy và những điểm cần chỉnh sửa trong các bài thơ của HS.  (2) Cách nhận xét, đánh giá bài viết dựa vào bảng kiểm của HS (*HS đã biết sử dụng bảng kiểm chưa? HS có nhận ra những ưu khuyết điểm trong bài thơ của mình và các bạn hay không?)* Trong trường hợp HS chưa biết dùng bảng kiểm, GV sử dụng kĩ thuật nói to suy nghĩ để hướng dẫn HS sử dụng bảng kiểm và nhận xét. | **\* Sản phẩm:** Phần nhận xét, đánh giá bài viết của HS. |

* 1. **Hoạt động rút kinh nghiệm**

1. **Mục tiêu**: Rút ra được kinh nghiệm khi làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.
2. **Sản phẩm:** Những kinh nghiệm rút ra của HS về quy trình làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.
3. **Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV sử dụng kĩ thuật trình bày một phút để HS chia sẻ nhanh (những) kinh nghiệm của bản thân sau khi làm một bài thơ tám chữ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ và chuẩn bị những kinh nghiệm của bản thân để chia sẻ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Một số HS chia sẻ những kinh nghiệm mà mình rút ra được.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt ý. | **\* Sản phẩm:** Những kinh nghiệm rút ra của HS về quy trình làm một bài thơ tám chữ. |

1. **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG VÀ MỞ RỘNG (Thực hiện tại nhà)**
2. **Mục tiêu**: Vận dụng được quy trình làm một bài thơ tám chữ vào việc làm thơ. Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.
3. **Sản phẩm**: Bài thơ đã được công bố của HS.
4. **Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Từ bài thơ đã hoàn thành trên lớp, GV cho HS về nhà lựa chọn một trong hai nhiệm vụ sau và hoàn thành:  (1) Sửa bài thơ cho hoàn chỉnh và công bố.  (2) Chọn một đề tài khác để viết bài thơ mới và công bố.  Sau khi công bố bài thơ, HS tham gia bình chọn bài thơ hay nhất của lớp.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS về nhà thực hiện một trong hai nhiệm vụ trên và công bố bài thơ. HS có thể công bố bài viết trên blog cá nhân, trên trang web hoặc bảng tin học tập của lớp, …  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Trước tiên, HS công bố một trong hai sản phẩm được giao trên trang Web hoặc bảng tin của lớp.  - HS tham gia bình chọn bài thơ hay nhất của lớp.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ tích cực chủ động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập.  - GV công bố kết quả bình chọn bài thơ hay nhất của lớp. | **\* Sản phẩm**: Bài thơ đã được công bố của HS. HS có thể công bố bài viết trên blog cá nhân, trên trang web của lớp, … |

**Bài 1. THƯƠNG NHỚ QUÊ HƯƠNG**

**Viết: VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM NGHĨ**

**VỀ MỘT BÀI THƠ TÁM CHỮ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

***\* Năng lực chung:***

- Đặc điểm của một đoạn văn

- Cách viết một đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ

**- Năng lực cảm nhận nghệ thuật ngôn từ**

***\* Năng lực đặc thù:***

**- Năng lực cảm thụ văn học**

**- Năng lực ngôn ngữ**

- Năng lực giao tiếp

**2. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, micro, bảng, phấn.

- SGK, SGV*.*

- Sơ đồ dàn ý đoạn văn.

- Phiếu học tập

- Sơ đồ tư duy

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

- Kích hoạt được tri thức nền về đoạn văn.

- Xác định được nhiệm vụ viết.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi của GV thông qua ứng dụng Plicker.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***B1: Chuyển giao nhiệm vụ:*** GV kết nối internet, phát bảng kí hiệu cho HS, lần lượt đưa 4 câu hỏi trong ứng dụng Plicker.

***B2: Thực hiện nhiệm vụ:*** HS suy nghĩ cá nhân tìm câu trả lời.

***B3: Báo cáo, thảo luận:*** HS dùng bảng kí hiệu A, B, C, D để trả lời.

***B4: Kết luận, nhận định:*** GV quét mã, nhận xét trên tỉ lệ % câu trả lời đúng sai của HS, đánh giá và giới thiệu bài mới.

**2. Hoạt động 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**I. Tìm hiểu tri thức về kiểu bài**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được đặc điểm đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ tám chữ.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về đặc điểm đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ tám chữ.

**c. Sản phẩm học tập:** Sơ đồ tư duy của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***B1: Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK.

- GV yêu cầu HS thảo luận, điền vào sơ đồ tư duy về đặc điểm đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ tám chữ.

***B2: Thực hiện nhiệm vụ***

- HS nghe GV yêu cầu, đọc kiến thức trong SGK.

- Thảo luận nhóm 4 và hoàn thành sơ đồ tư duy.

***B3: Báo cáo, thảo luận***

- GV mời HS trình bày bài làm của mình trước lớp,

- Nhóm khác nghe, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn.

***B4: Kết luận, nhận định:*** GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

**II. Hướng dẫn phân tích ngữ liệu mẫu**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu của việc viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữthông qua việc đọc và phân tích VB mẫu trong SGK.

**b. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về đặc điểm của đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ được thể hiện qua VB mẫu.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS quan sát đoạn văn, đọc box tri thức trong SGK, đánh dấu các từ khoá.  - GV mời 1 HS đọc bài thơ “Tựu trường”, 1 HS đọc đoạn văn chia sẻ cảm nghĩ trước lớp và yêu cầu cả lớp đọc thầm theo.  - HS đọc, quan sát đoạn văn về bài thơ *Tựu trường*, đối chiếu những phần được đánh số và box thông tin tương ứng.  - GV thảo luận theo cặp về 4 câu hỏi hướng dẫn phân tích VB trong SGK.  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS đọc bài thơ và đọc đoạn văn.  - Nhóm 2 HS thảo luận.  ***B3: Báo cáo, thảo luận:***  - GV mời đại diện 1, 2 nhóm HS trả lời cho mỗi câu hỏi.  - Các nhóm HS khác góp ý, bổ sung.  ***B4: Kết luận, nhận định:***GV tóm lược và nhận xét về ý kiến của HS, sau đó, chốt lại các kiến thức theo định hướng sau:  (1) GV giải thích về yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ, trong đó, nhấn mạnh yêu cầu trình bày cảm xúc kết hợp với suy nghĩ của người viết về bài thơ.  (2) GV trình bày ngữ liệu mẫu lên bảng hoặc màn hình, phân tích đặc điểm của đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài tám chữ được thể hiện trong ngữ liệu.  (3) GV góp ý cho câu trả lời của HS, hướng dẫn HS kết luận vấn đề. | **II. Phân tích ngữ liệu mẫu**  \* Đoạn văn chia sẻ cảm nghĩ về bài thơ “Tựu trường” (SGK/26)  **Câu 1:**  - Câu chủ đề: Lòng tôi chợt bồi hồi … khi đọc bài thơ *Tựu trường* của nhà thơ Huy Cận.  🡪 Nội dung: Giới thiệu nhan đề bài thơ, tên tác giả và cảm nghĩ chung của người viết về bài thơ.  - Câu kết đoạn: Cảm ơn nhà thơ … hành trình trưởng thành của mỗi người.  🡪 Ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân.  **Câu 2:**  - Người viết dùng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm nghĩ.  - Cảm xúc và suy nghĩ được thể hiện kết hợp trong đoạn văn: cảm xúc bồi hồi, xao xuyến xen lẫn những suy ngẫm của tác giả đoạn văn về cách nhà thơ thể hiện hình ảnh nhân vật trữ tình.  **Câu 3:**  - Nghệ thuật liệt kê: *Những sắc thái cảm xúc của nhân vật trữ tình như háo hức, xôn xao, hi vọng, tin tưởng ở ngôi trường mới …*  🡪 Dùng để nhấn mạnh ý, diễn đạt đầy đủ và sâu sắc hơn nội dung của văn bản.  - Cách trình bày đoạn văn theo hình thức tổng phân hợp: có câu chủ đề nằm ở đầu đoạn và cuối đoạn.  🡪 Giúp cho văn bản trở nên logic, mạch lạc hơn.  **Câu 4:** Phép liên kết được sử dụng trong đoạn văn:  + Phép lặp: “qua”, “nhà thơ”, “cảm xúc”, “ngôi trường”  + Phép thế: “chàng trai tuổi mười lăm” - “nhân vật trữ tình”  + Phép liên tưởng: “thời áo trắng”, “chàng trai tuổi mười lăm”, “ngôi trường mới”, “tuổi hoa niên” |

**III. Hướng dẫn quy trình viết**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được những thao tác cần làm, những lưu ý khi thực hiện các bước trong quy trình viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến quy trình viết và viết được đoạn văn theo quy trình.

**c. Sản phẩm:** Bảng tóm tắt, phiếu học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Chuẩn bị trước khi viết**  ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS đọc đề bài (SGK/27)  - Tìm và chọn một bài thơ tám chữ viết về một trong các đề tài sau: tình yêu thiên nhiên, quê hương, tình cảm gia đình, tình bạn, … bằng cách điền vào PHT1.  ***Lưu ý*:** Giao nhiệm vụ vào cuối tiết học trước để HS thực hiện ở nhà.  - Xác định người đọc và mục đích viết đoạn văn.  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ:*** Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ học tập.  ***B3: Báo cáo, thảo luận:*** Một số HS trình bày phiếu thu thập tư liệutrên lớp, cả lớp thảo luận về nội dung phiếu.  ***B4: Kết luận, nhận định:***  - GV nhận xét chung về các phiếu thu thập tư liệucủa HS: Các em có chọn đúng bài thơ thuộc thể thơ tám chữ hay không, có ghi đầy đủ nguồn tư liệu hay không, đề tài của bài thơ đã chọn có phù hợp với yêu cầu GV đã nêu hay không (đề tài về tình yêu thiên nhiên, quê hương, tình cảm gia đình, tình bạn).  **Nhiệm vụ 2: Tìm ý, lập dàn ý**  ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS đọc diễn cảm bài thơ từ tư liệu đã tìm và ghi lại những cảm xúc, suy nghĩ của mình vào phiếu tìm ý - PHT2  - Từ phiếu tìm ý, em lập dàn ý bằng cách điền vào PHT3  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ:*** HS hoàn thành các PHT  ***B3: Báo cáo, thảo luận:*** HS trình bày phiếu tìm ý, sơ đồ dàn ý trong nhóm hoặc trước lớp.  ***B4: Kết luận, nhận định:***  -GV nhận xét về sự hợp lí của dàn ý.  - Về đoạn văn: GV sẽ tổ chức cho HS tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau và chỉnh sửa đoạn văn của mình ở hoạt động xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.  **Nhiệm vụ 3: Viết đoạn**  ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - Dựa trên sơ đồ dàn ý, GV yêu cầu HS viết đoạn văn,  - GV nhắc HS trong khi viết, đối chiếu với *Bảng kiểm viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ* (SGK/28) để đảm bảo viết đúng yêu cầu.  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS lắng nghe yêu cầu của GV, sau đó viết đoạn văn.  ***B3: Báo cáo, thảo luận:***  - GV yêu cầu mỗi HS tự đọc lại bài của mình và dùng bảng kiểm để tự điều chỉnh đoạn văn.  ***B4: Kết luận, nhận định:***  - GV nhận xét về mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS trong thời gian viết do GV quy định.  **Nhiệm vụ 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**  ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - HS dùng bảng kiểm trong SGK trang 28, tự kiểm tra lại đoạn văn và tự chỉnh sửa.  - Sau khi hoàn thành việc tự chỉnh sửa, GV mời một số HS đọc đoạn văn trước lớp và mời các HS khác nhận xét dựa vào bảng kiểm.  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ:*** HS thực hiện cá nhân.  ***B3: Báo cáo, thảo luận***  - Cá nhân HS đọc bài làm của mình trước lớp.  - Cả lớp dùng bảng kiểm để nhận xét cho bài làm của bạn.  ***B4: Kết luận, nhận định:*** GV đánh giá và nhận xét trên hai phương diện:  - Ưu điểm cần phát huy và điểm cần chỉnh sửa trong các đoạn văn của HS.  - Cách nhận xét, đánh giá bài viết dựa vào bảng kiểm của HS (*HS đã biết sử dụng bảng kiểm chưa? HS có nhận ra những ưu điểm, những điểm cần khắc phục trong đoạn văn của bản thân và các bạn hay không?,.*..). Trong trường hợp HS chưa biết dùng bảng kiểm, GV sử dụng kĩ thuật *nói to suy nghĩ* để hướng dẫn HS sử dụng bảng kiểm và nhận xét. | ***Đề bài:*** Chọn một bài thơ mà em yêu thích, viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ của em về bài thơ đó.  **Quy trình viết một đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ**   |  |  | | --- | --- | | **Quy trình viết** | **Thao tác cần làm** | | **Bước 1: *Chuẩn bị trước khi viết*** | Xác định thể thơ, bài thơ | | Xác định yêu cầu đối với đoạn văn | | Xác định mục đích viết, người đọc | | **Bước 2: *Tìm ý, lập dàn ý*** | Đọc diễn cảm bài thơ | | Xác định một số nét độc đáo về nghệ thuật và vai trò của nó trong việc thể hiện nội dung bài thơ | | Ghi lại cảm nghĩ bằng một vài cụm từ | | Sắp xếp các ý thành sơ đồ dàn ý | | **Bước 3: *Viết đoạn*** | Triển khai bài viết dựa trên sơ đồ | | **Bước 4: *Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm*** | Dùng bảng kiểm để tự xem lại và chỉnh sửa | | Đọc lại đoạn văn từ vai trò của người đọc | | Tiếp tục điều chỉnh |   ***Đoạn văn tham khảo:***  Bài thơ *Quê hương* của Tế Hanh gợi cho tôi nhiều cảm xúc, ấn tượng. Những câu thơ mở đầu là lời giới thiệu hết sức đơn giản về quê hương của nhân vật trữ tình. Đó là một làng chài có truyền thống lâu đời, nằm gần biển. Sau đó, tác giả tiếp tục khắc họa công việc quen thuộc của người dân quê hương đó là ra khơi đánh bắt cá. Hình ảnh con thuyền ra khơi đầy dũng mãnh, hứa hẹn về một vụ mùa bội thu. Nhưng có lẽ với tôi, ấn tượng nhất phải là khung cảnh đoàn thuyền khi trở về. Bến đỗ trở nên tấp nập, sôi động cho thấy một chuyến ra khơi bội thu. Người dân chài lưới đầy khỏe khoắn đang làm công việc thu hoạch cá. Con thuyền thì trở về nằm nghỉ ngơi sau hành trình lao động vất vả. Đến khổ thơ cuối, Tế Hanh đã bộc lộ trực tiếp nỗi nhớ quê hương khi phải xa cách. Tác giả nhớ những hình ảnh quen thuộc của quê hương “màu nước xanh”, “cá bạc”, “chiếc buồm vôi”, “con thuyền rẽ sóng”… Câu thơ cuối thốt lên gửi gắm tình cảm, nỗi nhớ da diết: “Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!”. Tác phẩm có âm điệu khoẻ khoắn, hình ảnh sinh động cùng với ngôn từ giản dị. Tôi thực sự yêu thích bài thơ *Quê hương*. |

**3. Hoạt động 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG (thực hiện ở nhà)**

***a. Mục tiêu:***

- Biết vận dụng quy trình viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc xong một bài thơ tám chữ vào việc tạo lập văn bản.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc lưu giữ sản phẩm học tập của HS, tạo sự tương tác bình đẳng giữa GV với HS, giữa HS với HS thông qua đường link Padlet.

***b. Nội dung:***

- HS đưa bài viết của mình lên Padlet.

- HS đánh giá bằng ngôi sao hoặc bình luận nhận xét cho bài làm của bạn.

***c. Sản phẩm:*** Các đoạn văn hoàn chỉnh của HS trên đường link Padlet.

***d. Tổ chức thực hiện:***

***B1: Chuyển giao nhiệm vụ:***

- GV tạo đường link Padlet và chuyển cho HS qua group zalo lớp.

- GV công bố thời hạn thực hiện và hình thức cho điểm thường xuyên.

- GV yêu cầu HS về nhà chỉnh sửa lại đoạn văn của bản thân cho hoàn chỉnh, sau đó tải lên Padlet và đánh giá, nhận xét cho bài làm của bạn.

***B2: Thực hiện nhiệm vụ:*** HS chỉnh sửa bài làm và tải lên Padlet.

***B3: Báo cáo, thảo luận:*** HS công bố bài làm của mình trên Padlet.

***B4: Kết luận, nhận định:***

- GV nhận xét về thái độ tích cực, chủ động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS.

- GV nhận xét về kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS.

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**\* Các câu hỏi trong phần Plicker**

***1) Đâu là khái niệm đoạn văn trong văn bản?***

A. Là đơn vị trực tiếp tạo nên văn bản.

B. Thường do nhiều câu văn tạo thành, bắt đầu bằng chữ viết hoa lùi đầu dòng, kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng.

C. Thường biểu đạt một ý trọn vẹn.

D. Tất cả đáp án trên.

***2) Bài thơ “Bếp lửa” của Bằng Việt được viết theo thể thơ nào?***

A. Thơ năm chữ

B. Thơ tám chữ

C. Thơ lục bát

D. Thơ sáu chữ

***3) Đặc điểm của thể thơ tám chữ là gì?***

A. Mỗi dòng có tám chữ, khổ thơ dài ngắn khác nhau và có cách ngắt nhịp đa dạng.

B. Mỗi dòng có năm chữ, có chia khổ và cách ngắt nhịp đa dạng.

C. Mỗi dòng có sáu, bảy chữ, khổ thơ dài ngắn khác nhau, cách ngắt nhịp đa dạng.

D. Tất cả đều sai

***4) Liệt kê các bài thơ tám chữ em đã được học.***

A. Quê hương - Tế Hanh

B. Bếp lửa - Bằng Việt

C. A, B cùng đúng

D. A, B cùng sai

**\* Sơ đồ tư duy**



**\* Phiếu học tập**

***PHT 1***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU THU THẬP TƯ LIỆU**  **ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM NGHĨ VỀ MỘT BÀI THƠ TÁM CHỮ** | | | | |
| **Tên bài thơ** | **Thể thơ** | **Tên tác giả** | **Nguồn**  **(Nhà xuất bản/ trang Web)** | **Nội dung** |
| ...................  ...................  ...................  ................... | ...............  ...............  ...............  ............... | ...............  ...............  ...............  ............... | ........................  .......................  .......................  ....................... | .............................................  .............................................  .............................................  ............................................. |

***PHT 2***

|  |
| --- |
| **PHIẾU TÌM Ý**  **ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM NGHĨ VỀ BÀI THƠ ..................................**  1. Một số nét độc đáo về hình thức nghệ thuật của bài thơ là:  ...................................................................................................................................................  ...................................................................................................................................................  2. Cảm xúc của tôi khi đọc bài thơ này là:  ...................................................................................................................................................  ...................................................................................................................................................  3. Bài thơ này gợi cho tôi những suy nghĩ về  ....................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................... |

***PHT 3***



**\* Bảng kiểm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| ***Mở đoạn*** | Mở đoạn bằng chữ viết hoa lùi vào đầu dòng |  |  |
| Dùng ngôi thứ nhất để trình bày cảm nghĩ về bài thơ |  |  |
| Có câu chủ đề nêu tên bài thơ, tên tác giả và cảm nghĩ chung về bài thơ |  |  |
| ***Thân đoạn*** | Trình bày cảm xúc, suy nghĩ về một hoặc vài nét độc đáo của bài thơ |  |  |
| Làm rõ tác dụng của những biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ |  |  |
| ***Kết đoạn*** | Khẳng định lại cảm nghĩ và ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân |  |  |
| Dùng dấu câu phù hợp để kết thúc đoạn văn |  |  |
| ***Diễn đạt*** | Sử dụng một vài phép liên kết phù hợp |  |  |
| Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, viết câu |  |  |

**BÀI 1: THƯƠNG NHỚ QUÊ HƯƠNG**

**NÓI VÀ NGHE:**

**THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐÁNG QUAN TÂM TRONG ĐỜI SỐNG**

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài này, HS có thể:

**1.Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác.

- Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với phương tiện phi ngôn ngữ để thảo luận một vấn đề trong đời sống.

- Lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; nhận ra được ngữ cảnh giao tiếp, đặc điểm, thái độ của đối tượng giao tiếp.

**1.2. Năng lực đặc thù**

- Biết thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.

**2. Phẩm chất**

Tự chủ, tự học: Chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao.

**II. KIẾN THỨC**

Cách thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống.

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

– Máy chiếu, micro, bảng, phấn.

– SGK*,* SGV.

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:***

– Kích hoạt kiến thức nền về cách thảo luận nhóm.

– Xác định được nhiệm vụ học tập cần thực hiện của bài học.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv: Kĩ năng nói và nghe: thảo luận về một vấn đề trong đời sống đã được học ở các lớp dưới.  (1): Em hãy chia sẻ hiểu biết của bản thân về kĩ năng này và em có mong muốn biết thêm điều gì về kĩ năng này nữa không ?  (2): Đọc lướt nội dung bài học trong SGK, xác định nhiệm vụ học tập mà các em cần thực hiện trong bài học này.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh thực hiện cá nhân, sau đó chia sẻ với bạn bên cạnh.  **Bước 3: Báo cáo và thảo luận**  - Học sinh trình bày trước lớp  - Học sinh còn lại lắng nghe, bổ sung ý kiến.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Gv nhận xét câu trả lời của học sinh và chốt vấn đề.  - Xác định lại nhiệm vụ học tập của bài:  *Thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống*. | - Câu trả lời của học sinh |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

***a. Mục tiêu:*** Vẽ được sơ đồ tóm tắt các bước thảo luận.

***b. Sản phẩm*:** Sơ đồ của nhóm HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc lại nội dung bài trong SGK. Từ đó khái quát lại các bước của tiến trình thảo luận về một vấn đề trong đời sống.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm đôi.  **Bước 3: Báo cáo và thảo luận**  - Các nhóm trình bày sơ đồ, góp ý lẫn nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét và chốt vấn đề về : Các bước của quá trình thảo luận về một vấn đề. | **Bước 1: Chuẩn bị:**  Thành lập nhóm 🡪 Xác định đề tài 🡪 Thống nhất đề tài, mục tiêu, thời gian thảo luận 🡪 Chuẩn bị nội dung thảo luận.  **Bước 2:** **Thảo luận:**  Thảo luận trong nhóm nhỏ 🡪 Thảo luận giữa các nhóm.  **Bước 3:** **Suy ngẫm, rút kinh nghiệm.** |

**C. HOẠT ĐỘNG** **LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:***

***-*** Xác định được đề tài thảo luận, phác thảo được nội dung phiếu chuẩn bị thảo luận.

- Thảo luận tìm được giải pháp cho vấn đề đã chọn.

- Ghi chép tóm tắt ý kiến của các thành viên.

- Rút kinh nghiệm về cách thảo luận.

***b. Sản phẩm:***

***-*** Phiếu chuẩn bị thảo luận nhóm

- Phiếu ghi chép nội dung thảo luận.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **HĐ 1: Chuẩn bị** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV chia lớp làm 4 nhóm và quy định thời gian các nhóm làm việc của từng câu hỏi:  (1) Mỗi HS liệt kê hai đề tài mà em quan tâm, sau đó chia sẻ trong nhóm 6 HS. Tiếp theo, nhóm thống nhất chọn một đề tài mà nhóm thấy thiết thực gần gũi, được nhiều thành viên trong nhóm quan tâm.  (2) Nhóm thống nhất đề tài, mục tiêu, thời gian thảo luận bằng cách điền vào phiếu học tập số 1:  (3) 4 nhóm chia sẻ đề tài mà nhóm mình quan tâm. Cả lớp sẽ chọn ra 2 đề tài chung cho cả lớp. Sau đó hoàn thiện phiếu học tập số 2.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS lần lượt thực hiện ba nhiệm vụ học tập.  **Bước 3: Báo cáo và thảo luận**  - Đại diện các nhóm trình bày đề tài thảo luận.  - Các nhóm khác góp ý về sự phù hợp của đề tài mà các nhóm đã chọn (có tính thực tế, nằm trong sự quan tâm của nhiều người), mục tiêu thảo luận (cụ thể, rõ ràng, có thể đạt được).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét quá trình thảo luận.  - GV chốt 2 đề chung lớp đã thống nhất. | Một số đề tài tham khảo:  - Cách thể hiện tình cảm với người thân.  - Bạn sẽ làm gì khi bị bắt nạt ? |
| **HĐ 2 : Hoạt động thảo luận** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**   * **Thảo luận trong nhóm nhỏ**   - Nhóm trưởng điều hành nhóm thảoluận về vấn đề mà nhóm đã chọn dựa trên Phiếu chuẩn bị thảo luận nhóm (phiếu số 2) theo nguyên tắc lượt lời; thư kí ghi chép dựa trên mẫu phiếu học tập số 3.  - Đề cử người thay mặt nhóm, tham gia cuộc thảo luận, tranh luận giữa các nhóm.   * **Thảo luận giữa các nhóm**   GV tổ chức buổi tọa đàm: NHỮNG VẤN ĐỀ ĐÁNG QUAN TÂM TRONG ĐỜI SỐNG  - Những nhóm có chủ đề chung sẽ trình bày theo cặp.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo và thảo luận**  – Đại diện nhóm thứ nhất trình bày tóm tắt nội dung thảo luận của nhóm.  – Nhóm thứ hai lắng nghe, chú ý những ý kiến mình không đồng tình hoặc chưa rõ giải pháp và nêu câu hỏi.  – Nhóm thứ nhất trả lời.  – Các nhóm khác dựa vào Bảng kiểm nhận xét phần trình bày của nhóm bạn và nêu câu hỏi cho nhóm bạn, nghe nhóm bạn phản hồi, tranh luận.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét quá trình thảo luận:  + Giải pháp các nhóm nêu ra có phù hợp, có góp phần giải quyết được vấn đề đã chọn.  + Kĩ năng thảo luận: có tuân theo nguyên tắc lượt lời, có tôn trọng ý kiến người khác, lí lẽ, bằng chứng có thuyết phục,...  - GV chốt vấn đề cho mỗi nội dung thảo luận. | Các nhóm có thể trình bày nội dung bài của nhóm mình dưới dạng sơ đồ , bài pp trình chiếu… |
| **HĐ 3: Suy ngẫm và rút kinh nghiệm** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Gv yêu cầu học sinh hoàn thiện phiếu học tập số 4:  (1) Ghi lại những điều em thấy nhóm đã làm tốt và chưa tốt.  (2): Qua buổi thảo luận, rút ra những bài học của bản thân về cách trình bày ý kiến, cách thảo luận, cách tranh luận.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo và thảo luận**  - Mời một số HS  - Mỗi em nêu một kinh nghiệm mà mình tâm đắc nhất, HS sau không lặp lại ý kiến của HS trước.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét  - GV chốt vấn đề:  **+** Chọn đề tài được nhiều người quan tâm, phù hợp với lứa tuổi.  + Xác định mục tiêu cụ thể cần đạt của cuộc thảo luận.  + Nêu được những lí lẽ, bằng chứng thuyết phục.  + Tuân thủ nguyên tắc lượt lời. | Những kinh nghiệm mà hs rút ra được:  - Lí lẽ, lập luận chặt chẽ  - Dẫn chứng xác thực, tiêu biểu  - Khi trình bày có thể sử dụng thêm tranh ảnh minh họa…  - Khi nói cần tự tin, có sự giao lưu với người nghe, kết hợp cử chỉ của cơ thể… |

**D. HOẠT ĐỘNG HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN ÔN TẬP**

***a. Mục tiêu:*** Biết cách thực hiện phần ôn tập tại nhà.

***b. Sản phẩm:*** Phần ghi chép của HS về cách thực hiện phần ôn tập tại nhà.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS trả lời 7 câu hỏi bài: Ôn tập trong SGK/ 30

(làm ở nhà).

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS thực hiện.

*\* Báo cáo, thảo luận*: Một số HS trình bày sản phẩm trong tiết ôn tập tại lớp.

*\* Kết luận, nhận định:*Gv nhận xét, chốt vấn đềở tiết ôn tập.

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP 1: CHUẨN BỊ THẢO LUẬN NHÓM** |
| 1. Đề tài thảo luận:  …………………...........................................................................................  2. Mục tiêu thảo luận:  …………………...........................................................................................  3. Thời gian thảo luận:  …………………........................................................................................... |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP 2: CHUẨN BỊ THẢO LUẬN NHÓM**  **Đề tài thảo luận:** …………………...........................................................................................  **I. CÁC Ý KIẾN, LÍ LẼ, BẰNG CHỨNG**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Ý kiến của tôi** | **Lí lẽ** | **Bằng chứng** | | … | … | … | | … | … | … |   **II. DỰ KIẾN CÁC Ý KIẾN TRÁI CHIỀU VÀ Ý KIẾN PHẢN HỒI**   |  |  | | --- | --- | | **Ý kiến trái chiều** | **Dự kiến ý kiến phản hồi** | | … | … | | … | … | | … | … | |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP 3: THỐNG NHẤT NỘI DUNG TRÌNH BÀY** | |
| **Ý kiến trình bày** | **Ý kiến phản hồi** |
| Bạn: …………………………………….. | Bạn: …………………………………….. |
| Bạn: …………………………………….. | Bạn: …………………………………….. |
| … | .... |

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4: SUY NGẪM VÀ RÚT KINH NGHIỆM** |
| (1): Ghi lại những điều em thấy nhóm đã làm tốt và chưa tốt.  …………………...........................................................................................  (2): Qua buổi thảo luận, em đã rút ra những bài học nào cho bản thân về cách trình bày ý kiến, cách thảo luận, cách tranh luận ?  …………………........................................................................................... |



**TIẾT...... : ÔN TẬP**

**I. Mục tiêu:**

**1. Về năng lực:**

**a. Năng lực riêng biệt:**

- Tổng hợp kiến thức trong chủ đề 1.

**b. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**2. Về phẩm chất:**

- Nghiêm túc, chăm học.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**1. Thiết bị dạy học:**

- Kế hoạch bài dạy.

- Sách giáo khoa, Sách giáo viên.

- Máy chiếu, máy tính.

**2. Học liệu:**

- Tài liệu liên quan đến nội dung bài học.

**III. Tiến trình dạy học:**

***- GV dẫn dắt vào bài học mới:*** *Mỗi bài học sẽ mang lại cho chúng ta những đơn vị kiến thức, những bài học và rèn những kĩ năng khác nhau. Cô thấy lớp mình rất thông minh khi đã nắm được rất đầy đủ kiến thức cô truyền tải. Nhưng để kiểm chứng kĩ hơn, chúng ta cùng nhau vào bài học ngày hôm nay qua tiết* ***“Ôn tập”*** *nhé!*

**Hoạt động Ôn tập**

**a. Mục tiêu:** Hệ thống được nội dung vấn đề đã học trong chủ đề

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV yêu cầu HS lần lượt hoàn thành bài tập 1,3,4,6**  **- GV tổ chức hoạt động nhóm** (3 nhóm, mỗi nhóm hoàn thành 1 văn bản) (bài tập 2)  **A screenshot of a computer  Description automatically generated**  **GV tổ chức hoạt động yêu cầu hs làm BT 5 theo nhóm 5-6 HS.**  **\*Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **\*Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi, hoàn thành nhiệm vụ nhóm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\*Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Bài 1**  **Kết cấu của một bài thơ được thể hiện ở những phương diện:**  + Thể thơ  + Bố cục  + Triển khai mạch cảm xúc  + Vần, nhịp  + Hình ảnh thơ  + Biện pháp tu từ,...  **Bài 2**  **\* Quê hương**  **- Một số hình ảnh, từ ngữ tiêu biểu**  + Hình ảnh con thuyền: hăng như con tuấn mã, phăng mái chèo.  + Hình ảnh cánh buồm: giương to như mảnh hồn làng, rướn thân trắng.  + Hình ảnh dân chài: da ngăm rám nắng, cả thân hình nồng thở vị xa xăm.  **- Biện pháp tu từ chủ yếu**: So sánh, nhân hoá.  **- Cách gieo vần.**  + Vần chân, vần liền: giang/ làng, sông/ hồng, trắng/ nắng, xăm/ nằm.  + Vần cách: vôi/ khơi.  **- Chủ đề**: Hình ảnh quê hương qua bức tranh sinh hoạt làng chài vùng biển trong nỗi nhớ của tác giả.  **- Cảm hứng chủ đạo**: Cảm hứng về cuộc sống lao động của quê hương.  **\* Bếp lửa**  + Hình ảnh bếp lửa, ngọn lửa: chờn vờn sương sớm, ấp iu nồng đượm.  + Hình ảnh người bà: ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng, dạy cháu làm, chăm cháu học, nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm, nhóm yêu thương.  **- Biện pháp tu từ chủ yếu**: Ẩn dụ, điệp từ, điệp ngữ.  **- Cách gieo vần:**  + Vần chân, vần liền: xa/ bà, thế/ về, nhọc/ học, rụi/ lụi, bùi/ vui.  + Vần chân, vần thông: khói/ mỏi, Huế/ thế.  **- Chủ đề**: Hình ảnh bếp lửa và người và luôn theo suốt cuộc đời của tác giả, đã trở thành những trang kí ức ấm áp, thiêng liêng.  **- Cảm hứng chủ đạo**: Ngợi ca hình ảnh bếp lửa ấm áp, thiêng liêng được nhen lên từ bàn tay và tấm lòng của bà.  **\* Mùa xuân nho nhỏ:**  **- Một số hình ảnh, từ ngữ tiêu biểu**  + Hình ảnh mùa xuân của đất trời: dòng sông xanh, bông hoa tím biếc, từng giọt long lanh rơi.  + Hình ảnh mùa xuân của đất nước: lộc giắt đầy trên lưng, lộc trải dài nương mạ, hối hả, xôn xao, như vì sao.  + Tâm nguyện của tác giả: làm con chim hót, làm một cành hoa, nhập vào hoà ca, mùa xuân nho nhỏ.  **- Biện pháp tu từ chủ yếu**: Ẩn dụ, điệp từ, điệp ngữ, so sánh.  **- Cách gieo vần:**  + Vần chân, vần liền: trời/ rơi, mạ/ hả, lao/ sao, bình/ minh/ tinh.  + Vần chân, vần thông: biếc/ chiện, hoa/ ca.  **- Chủ đề**: Ước nguyện được đóng góp phần nhỏ bé của mình vào việc làm nên mùa xuân tươi đẹp của quê hương, đất nước.  **- Cảm hứng chủ đạo**: Cảm hứng ngợi ca sức sống thanh xuân của quê hương, đất nước và cảm hứng về ước nguyện được dâng hiến, đóng góp sức mình để làm cho quê hương đất nước ngày càng giàu đẹp.  **Bài 3**  *Mênh mông muôn mẫu một màu mưa*  *Mỏi mắt miên man mãi mịt mờ*  **Điệp âm “m”**  🡪 Diễn tả vẻ mịt mờ của không gian đầy mưa, đồng thời tạo ấn tượng thú vị, sâu sắc cho câu thơ.  **Bài 4**   |  |  | | --- | --- | | **Nhịp thơ** | + 2/2/3  + 3/2/2 | | **Vần** | Lặp lại các âm tiết có vần “an” (Lan – tan – tràn), vần “ương” (đường – dương – sương), vần “ăng” (trắng – nắng) | | **Thanh điệu** | Chủ yếu là thanh bằng | | **Tác dụng** | Làm nên sự hài hoà về âm thanh, tạo nên nhạc tính cho bài thơ |   **Bài 6**  **- Nội dung:** Có cấu trúc ba phần:  **+ Mở đoạn:** giới thiệu nhan đề bài thơ, tác giả và cảm nghĩ chung của người viết về bài thơ bằng một câu (câu chủ đề).  **+ Thân đoạn:** trình bày cảm xúc, suy nghĩ của bản thân về một hoặc vài nét đặc sắc trong nội dung và hình thức nghệ thuật của bài thơ; làm rõ cảm xúc, suy nghĩ về những hình ảnh, từ ngữ được trích từ bài thơ.  **+ Kết đoạn:**  khẳng định lại cảm nghĩ về bài thơ và ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân.  **- Hình thức:** Là một bài thơ, mỗi câu thơ có 8 chữ. |